

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 04/2026)

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

10.TCVN 13992:2024: Nền tảng minh bạch chuỗi cung ứng đồ chơi trẻ em

12.TCVN ISO 56001:2025: Chuẩn hóa triển khai hệ thống quản lý đổi mới

14.ASTM cải tiến đo độ nhớt, tăng tốc thử nghiệm trong phòng lab

15.Chuẩn mới minh bạch hóa chuỗi cung ứng toàn cầu

17.ISO 14001:2026: Từ “tuần thủ” sang cạnh tranh xanh

18.TCVN 13788:2023 thúc đẩy thiết kế gắn với bảo vệ môi trường

19.Chuẩn hóa kết nối xe điện - lưới điện

21.ISO thiết lập chuẩn mực mới cho chuỗi cung ứng toàn cầu nền tảng cho minh bạch bền vững

23.Tiêu chuẩn mới về phương pháp lấy mẫu hóa chất vĩnh cửu

24.TCVN 14295:2025 – Bước tiến mới trong kiểm soát độ bền sinh học của vật liệu phủ

25.Khách sạn xanh và bài toán tiết kiệm năng lượng: Xu hướng tất yếu trong ngành lưu trú hiện đại

27.TCVN 14536:2025 chuẩn hóa phương pháp xác định kích thước ghế văn phòng

28.TCVN 13434-2:2025: Định hướng sử dụng sơn phenol cho bề mặt gỗ bền và ổn định

30.Hợp chuẩn, hợp quy – “lá chắn” bảo vệ an toàn thông tin camera giám sát

31. Bộ Y tế siết chặt quản lý hóa chất trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

33. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 04/2026



CHÍNH PHỦ

Ban hành Nghị định 113/2026/NĐ-CP: Tiếp tục hoàn thiện quy định thi hành Luật Khí tượng thủy văn.



Ngày 01/04/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 113/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. Nghị định này đồng thời kế thừa và điều chỉnh các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, 22/2023/NĐ-CP và 136/2025/NĐ-CP.

Việc ban hành Nghị định 113/2026/NĐ-CP nhằm tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, đồng thời nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo và cung cấp thông tin khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị định tập trung sửa đổi, bổ

sung các quy định liên quan đến hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn; quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; cũng như trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, chia sẻ dữ liệu. Một số nội dung được điều chỉnh theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa hệ thống quan trắc và nâng cao khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng làm rõ hơn trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện công tác khí tượng thủy văn; đồng thời bổ sung các quy định nhằm tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực này.

Đáng chú ý, các quy định sửa đổi hướng tới việc nâng cao hiệu quả sử dụng dữ liệu khí tượng thủy văn trong các lĩnh vực trọng yếu như phòng, chống thiên tai, quản lý tài nguyên nước, nông nghiệp, giao thông vận tải và năng lượng. Qua đó, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, bảo đảm an toàn cho người dân và tài sản.

Nghị định 113/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Việc ban hành Nghị định được kỳ vọng sẽ tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho việc phát triển ngành khí tượng thủy văn theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu theo Quyết định 77/QĐ-BCT

Ngày 09/04/2026, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 77/QĐ-BCT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ.

Quyết định được ban hành nhằm cập nhật, hoàn thiện hệ thống thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, bảo đảm tính đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

Quyết định này thực hiện sửa đổi, bổ sung đối với 36 thủ tục hành chính, cụ thể: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O): Đây là phần cốt lõi của Quyết

định. Các thay đổi tập trung vào việc cấp C/O ưu đãi và không ưu đãi theo các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên như: Khu vực ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản. Các hiệp định thế hệ mới: CPTPP, RCEP, UKVFTA... Điều chỉnh các quy trình cấp lại, cấp sau, cấp giáp lưng và cấp cho hàng hóa từ khu phi thuế quan, kho ngoại quan.

Theo đó, các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tập trung vào các nội dung như: cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với một số mặt hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành; điều chỉnh quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ; cập nhật thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết theo hướng rõ ràng, minh bạch hơn. Việc chuẩn hóa các thủ tục này góp phần giảm thiểu giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý và hạn chế phát sinh chi phí cho doanh nghiệp.

Đáng chú ý, Quyết định cũng gắn



với việc đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Điều này giúp nâng cao tính công khai, minh bạch, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các thủ tục xuất nhập

khẩu.

Ngoài ra, việc công bố lại các thủ tục hành chính sau khi được sửa đổi, bổ sung còn góp phần giúp các tổ chức, cá nhân dễ dàng tra cứu, tiếp cận và thực hiện đúng quy định, hạn chế sai sót trong quá trình thực hiện.

Quyết định 77/QĐ-BCT có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là cơ sở để các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện thống nhất trong toàn ngành Công Thương.

Việc ban hành Quyết định này được kỳ vọng sẽ tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, đồng thời đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Ban hành thông tư 22/2026/TT-BQP về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự

Ngày 23/03/2026, Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư số 22/2026/TT-BQP quy định về xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự.

Thông tư quy định cụ thể nguyên tắc, trình tự và thủ tục xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với đặc thù của lĩnh vực quốc phòng. Nội dung văn bản làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành cũng như rà soát, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng đề cập đến việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị quân sự;

đồng thời yêu cầu các tổ chức, đơn vị liên quan tuân thủ nghiêm ngặt các quy định nhằm bảo đảm chất lượng, độ tin cậy và an toàn trong quá trình sử dụng.

Việc ban hành Thông tư 22/2026/TT-BQP góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng thuộc phạm vi quốc phòng, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, hiện đại./.

Công bố Văn bản hợp nhất 44/VBHN-BQP về chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới

Ngày 31/3/2026, Bộ Quốc phòng ban hành Văn bản hợp nhất số 44/VBHN-BQP hợp nhất các quy định tại Thông tư về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Văn bản hợp nhất được ban hành nhằm hệ thống hóa các quy định đã được sửa đổi, bổ sung trước đó, giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân dễ dàng tra cứu và áp dụng thống nhất trong quá trình thực hiện. Đây là bước quan trọng góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý chất lượng phương tiện cơ giới phục vụ quốc phòng.

Nội dung văn bản quy định cụ thể về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại xe cơ giới thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, bao gồm xe nhập khẩu, xe sản xuất, lắp ráp trong nước. Các yêu cầu về hồ sơ, tài liệu kỹ thuật; quy trình kiểm tra, thử nghiệm; cũng như việc cấp giấy chứng nhận được hướng dẫn chi tiết.

Bên cạnh đó, văn bản cũng làm rõ



trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá và chứng nhận chất lượng phương tiện. Các quy định về kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu được nhấn mạnh nhằm đảm bảo các phương tiện đáp ứng đầy đủ yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trước khi đưa vào sử dụng.

Việc ban hành Văn bản hợp nhất 44/VBHN-BQP góp phần chuẩn hóa quy trình quản lý chất lượng xe cơ giới trong lĩnh vực quốc phòng, đồng thời tạo thuận lợi cho các đơn vị trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan. Qua đó, nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo an toàn trong khai thác, sử dụng phương tiện và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-

CP ngày 14/01/2026 và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ có hiệu lực./.

BỘ XÂY DỰNG

Ban hành Thông tư 12/2026/TT-BXD: Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với động cơ xe mô tô điện, xe gắn máy điện

Ngày 09/04/2026, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 12/2026/TT-BXD kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 30:2026/BXD về động cơ sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/10/2026.

Việc ban hành Thông tư nhằm thiết lập cơ sở pháp lý đồng bộ để kiểm soát chất lượng đối với một trong những bộ phận quan trọng nhất của phương tiện giao thông điện – động cơ điện, qua đó đáp ứng yêu cầu về an toàn kỹ thuật, hiệu suất năng lượng và bảo vệ môi trường trong bối cảnh thị trường xe điện tại Việt Nam đang phát triển nhanh chóng.

Quy chuẩn QCVN 30:2026/BXD quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với động cơ điện sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện, bao gồm các nội dung chính như: yêu cầu về cấu tạo, độ bền cơ học, khả năng chịu nhiệt, mức độ bảo vệ an toàn điện; các chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động, công suất, độ ổn định trong quá trình vận hành; cũng như các yêu cầu về tương thích điện từ và an toàn trong quá trình sử dụng.

Bên cạnh đó, quy chuẩn cũng quy định cụ thể các phương pháp thử và điều kiện thử nghiệm nhằm đánh giá chất lượng động cơ, bao gồm thử nghiệm hiệu suất, thử độ bền, thử an toàn điện và các



phép thử liên quan đến môi trường làm việc thực tế. Đây là cơ sở quan trọng để các tổ chức thử nghiệm, chứng nhận thực hiện đánh giá sự phù hợp theo quy định.

Thông tư áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu động cơ điện; các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xe mô tô điện, xe gắn máy điện; cũng như các tổ chức đánh giá sự phù hợp và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Một điểm đáng chú ý là việc quy chuẩn hóa các yêu cầu kỹ thuật theo hướng tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chứng nhận, công bố hợp quy và thừa nhận lẫn nhau trong thương mại quốc tế. Đồng thời, quy chuẩn cũng góp phần nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm ngay từ khâu thiết kế, sản xuất.

Thông tư 12/2026/TT-BXD được ban hành đồng bộ với các quy định liên quan đến ắc quy và các bộ phận khác của xe điện, góp phần hình thành hệ thống quy chuẩn kỹ thuật toàn diện đối với phương tiện giao thông điện tại Việt Nam.

Việc triển khai Thông tư được kỳ vọng sẽ nâng cao chất lượng và độ an toàn của xe mô tô điện, xe gắn máy điện lưu thông trên thị trường; bảo vệ quyền

lợi người tiêu dùng; đồng thời thúc đẩy phát triển giao thông xanh, bền vững và phù hợp với xu hướng chuyển dịch năng lượng toàn cầu./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ban hành Thông tư 04/2026/TT-BKHCN hoàn thiện quy định trong lĩnh vực Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng.

Ngày 27/02/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN nhằm sửa đổi, bổ sung một số quy định trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, góp phần hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Thông tư tập trung điều chỉnh, cập nhật các quy định liên quan đến quản lý phương tiện đo, trong đó làm rõ danh mục phương tiện đo nhóm 2 và quy định cụ thể hơn về chu kỳ kiểm định, bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, các yêu cầu đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm cũng được bổ sung theo hướng nâng cao độ chính xác, độ tin cậy của kết quả đo lường.

Bên cạnh đó, Thông tư điều chỉnh một số nội dung quản lý chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa có khả năng ảnh hưởng đến an toàn, sức khỏe cộng đồng như thiết bị chiếu sáng LED và đồ chơi trẻ em; đồng thời tăng cường các quy định về đo lường trong hoạt động kinh doanh vàng nhằm bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong giao dịch.

Thông tư cũng thực hiện việc rà soát, bãi bỏ và thay thế một số quy định

không còn phù hợp, bảo đảm tính đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt là các nghị định mới của Chính phủ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

Việc ban hành Thông tư 04/2026/TT-BKHCN được kỳ vọng sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tuân thủ quy định pháp luật và nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa./.

Thông tư 13/2026/TT-BKHCN: Hoàn thiện quy trình xây dựng và công bố Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN)



Ngày 09/04/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN, quy định chi tiết việc xây dựng, thẩm định và công bố Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN). Việc ban hành Thông tư này được xem là bước điều chỉnh quan trọng nhằm chuẩn hóa toàn bộ quy trình hình thành TCVN theo hướng minh bạch, khoa học và tiệm cận thông lệ quốc tế.

Theo quy định tại Thông tư, quá trình xây dựng TCVN được tổ chức theo chu trình khép kín, bắt đầu từ khâu đề xuất nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn trên cơ sở nhu cầu quản lý nhà nước, yêu cầu của thị trường và định hướng phát triển ngành. Sau khi được phê duyệt kế hoạch, cơ quan, tổ chức chủ trì sẽ tiến hành biên

soạn dự thảo tiêu chuẩn, đồng thời tổ chức lấy ý kiến rộng rãi từ các bên liên quan như cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hiệp hội và chuyên gia kỹ thuật.

Điểm đáng chú ý là Thông tư nhấn mạnh yêu cầu về chất lượng đầu vào của dự thảo tiêu chuẩn, trong đó nội dung TCVN phải đảm bảo tính khả thi, không chồng chéo với quy chuẩn kỹ thuật và đặc biệt khuyến khích hài hòa tối đa với tiêu chuẩn quốc tế như ISO, IEC. Cách tiếp cận này giúp rút ngắn khoảng cách giữa tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu và thừa nhận lẫn nhau.

Ở khâu thẩm định, Thông tư quy định rõ việc thành lập hội đồng thẩm định với thành phần chuyên gia độc lập, đảm bảo đánh giá khách quan đối với dự thảo TCVN. Nội dung thẩm định không chỉ dừng ở mặt kỹ thuật mà còn xem xét tác động kinh tế – xã hội, chi phí tuân thủ và khả năng áp dụng trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

Sau khi hoàn thiện trên cơ sở kết quả thẩm định, tiêu chuẩn sẽ được công bố theo trình tự quy định và đăng tải công khai. Thông tư cũng đặt ra yêu cầu đối với việc rà soát định kỳ, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ TCVN nhằm đảm bảo hệ thống tiêu chuẩn luôn được cập nhật, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ và thị trường.

Đáng chú ý, Thông tư 13/2026/TT-BKHCN thể hiện rõ xu hướng chuyển từ cách làm “quản lý hành chính” sang “quản lý dựa trên sự tham gia của thị trường”, khi khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn. Điều này không chỉ nâng cao tính thực tiễn của TCVN mà còn góp phần giảm khoảng cách giữa tiêu chuẩn và nhu cầu áp dụng thực tế.

Với những quy định mới, Thông tư

được kỳ vọng sẽ nâng cao chất lượng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa./.

Ban hành Thông tư 15/2026/TT-BKHCN: Quy định chi tiết về xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật

Ngày 09/04/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN quy định chi tiết về việc xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật. Thông tư là văn bản quan trọng nhằm hoàn thiện quy trình xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước cũng như thông lệ quốc tế.

Thông tư quy định cụ thể các bước trong quá trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm: đề xuất xây dựng, lập kế hoạch, soạn thảo dự thảo quy chuẩn, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và tổ chức thẩm định trước khi ban hành. Các yêu cầu về nội dung, cấu trúc, hình thức của dự thảo quy chuẩn cũng được hướng dẫn chi tiết nhằm đảm bảo tính khoa học, khả thi và dễ áp dụng trong thực tiễn.

Đối với công tác thẩm định, Thông tư làm rõ nguyên tắc, nội dung và quy trình thẩm định quy chuẩn kỹ thuật, trong đó nhấn mạnh việc đánh giá sự phù hợp của quy chuẩn với các quy định pháp luật hiện hành, mức độ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và yêu cầu thực tiễn của ngành, lĩnh vực quản lý. Hội đồng thẩm định được quy định rõ về thành phần, trách nhiệm và cơ chế hoạt động nhằm đảm bảo tính khách quan, độc lập

trong quá trình xem xét, đánh giá.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định trình tự, thủ tục ban hành quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm việc hoàn thiện hồ sơ sau thẩm định, ký ban hành, công bố và đăng tải quy chuẩn theo quy định. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan trong việc tổ chức xây dựng, rà soát, cập nhật và duy trì hệ thống quy chuẩn kỹ thuật cũng được xác định rõ.

Một điểm đáng chú ý của Thông tư là việc tăng cường yêu cầu về đánh giá tác động, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật khi ban hành không gây cản trở thương mại không cần thiết, đồng thời phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam. Ngoài ra, Thông tư cũng khuyến khích việc tham gia rộng rãi của các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp, trong quá trình xây dựng quy chuẩn.

Việc ban hành Thông tư 15/2026/TT-BKHCN góp phần nâng cao chất lượng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, đồng thời tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và hội nhập quốc tế./.

Ban hành Thông tư 14/2026/TT-BKHCN về công bố hợp chuẩn, hợp quy và đánh giá sự phù hợp

Ngày 09/04/2026, Bộ Khoa học và



Công nghệ đã ban hành Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN quy định chi tiết về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/05/2026.

Thông tư 14/2026/TT-BKHCN được ban hành nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, góp phần hoàn thiện khung pháp lý trong hoạt động đánh giá sự phù hợp, đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Theo đó, Thông tư quy định rõ về trình tự, thủ tục công bố hợp chuẩn đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng; công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Đồng thời, Thông tư cũng hướng dẫn cụ thể các phương thức đánh giá sự phù hợp, bao gồm thử nghiệm, giám định, chứng nhận và công nhận, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Một trong những điểm mới đáng chú ý của Thông tư là việc chuẩn hóa và làm rõ các phương thức đánh giá sự phù hợp theo hướng tiếp cận rủi ro, tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tự công bố và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, Thông tư cũng đẩy mạnh việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức trong và ngoài nước, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, Thông tư quy định cụ thể hơn về hồ sơ, tài liệu, cũng như trách nhiệm của các tổ chức chứng nhận, thử nghiệm, giám định trong việc đảm bảo

tính chính xác, khách quan của kết quả đánh giá sự phù hợp.

Thông tư 14/2026/TT-BKHCN sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, đồng thời tăng cường hiệu quả kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng./.

Ban hành Thông tư 18/2026/TT-BKHCN về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ



Ngày 15/4/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 18/2026/TT-BKHCN quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Thông tư quy định cụ thể phạm vi, nội dung giám định trong các lĩnh vực như tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân, đồng thời làm rõ tiêu chuẩn, điều kiện đối với cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

Bên cạnh đó, Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục giám định và quy định quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan, nhằm bảo đảm tính khách quan, chính xác của kết luận giám định. Thông tư được kỳ vọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp, phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử./.

TCVN 13992:2024: NỀN TẢNG MINH BẠCH CHUỖI CUNG ỨNG ĐỒ CHƠI TRẺ EM

TCVN 13992:2024 đưa ra các hướng dẫn cụ thể về thu thập và lưu trữ thông tin trong hệ thống truy xuất nguồn gốc đồ chơi trẻ em, áp dụng cho các đơn vị tham gia từ sản xuất nguyên vật liệu, thu mua đến sản xuất đồ chơi thành phẩm.



4 nguyên tắc cốt lõi về truy xuất nguồn gốc

Trong bối cảnh thị trường đồ chơi trẻ em phát triển nhanh với sự đa dạng về chủng loại và nguồn cung, yêu cầu bảo đảm chất lượng, an toàn và minh bạch thông tin ngày càng trở nên cấp bách. Đồ chơi không đơn thuần là sản phẩm giải trí mà còn có ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển thể chất và trí tuệ của trẻ nhỏ.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn tồn tại không ít rủi ro liên quan đến nguyên vật liệu kém an toàn, quy trình sản xuất thiếu kiểm soát hoặc sản phẩm lưu thông không rõ nguồn gốc. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những công cụ quản lý hiệu quả, đồng bộ xuyên suốt

toàn bộ chuỗi cung ứng.

Trong bối cảnh đó, việc ban hành TCVN 13992:2024 - “Truy xuất nguồn gốc - Hướng dẫn thu thập thông tin đối với chuỗi cung ứng đồ chơi trẻ em” được xem là giải pháp cần thiết. Tiêu chuẩn này đưa ra các hướng dẫn cụ thể về thu

thập và lưu trữ thông tin trong hệ thống truy xuất nguồn gốc, áp dụng cho đơn vị sản xuất nguyên vật liệu, đơn vị thu mua nguyên vật liệu, đơn vị sản xuất đồ chơi trẻ em.

TCVN

13992:2024 tập trung vào việc thiết lập các yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc, với bốn nguyên tắc cốt lõi nhằm bảo đảm tính hiệu quả và khả thi trong triển khai.

Thứ nhất, nguyên tắc “Một bước trước - một bước sau”: Để bảo đảm khả năng giám sát, nhận diện được công đoạn sản xuất, kinh doanh trước và công đoạn sản xuất, kinh doanh tiếp theo trong quá trình sản xuất, kinh doanh đối với một sản phẩm.

Thứ hai, nguyên tắc “sẵn có của phần tử dữ liệu chính”: Các phần tử dữ liệu chính phải được thu thập, lưu trữ và cập nhật kịp thời trong các báo cáo thông tin chi tiết về các sự kiện quan trọng

trong quá trình sản xuất và chuỗi cung ứng.

Thứ ba, nguyên tắc “minh bạch”: Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải đạt yêu cầu về tính minh bạch tối thiểu bằng cách sử dụng dữ liệu tĩnh về khách hàng, bên cung ứng, sản phẩm và các điều kiện sản xuất.

Thứ tư, nguyên tắc “có sự tham gia đầy đủ các bên truy xuất nguồn gốc”: Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải có sự tham gia của đầy đủ các bên truy xuất nguồn gốc của tổ chức.

Kiểm soát chặt chẽ việc gắn nhãn hàng hóa

Mặt khác, tiêu chuẩn cũng yêu cầu tổ chức phải xác định rõ đối tượng cần truy xuất nguồn gốc, tức là các “vật phẩm có thể truy xuất”. Các nhà sản xuất đồ chơi trẻ em tùy theo đặc tính của sản phẩm và nhu cầu của sản xuất và sử dụng, sử dụng các phương pháp thích hợp tiến hành gắn nhãn cho vật liệu được thu mua, bán thành phẩm và thành phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất. Trong quá trình tiếp nhận, sản xuất, bảo quản, đóng gói, vận chuyển và giao sản phẩm..., việc gắn nhãn sản phẩm phải tương ứng với từng khâu luân chuyển sản phẩm.

Các bên tham gia chuỗi cung ứng cần kiểm soát chặt chẽ và ghi chép đầy đủ việc gắn nhãn, đồng thời lưu trữ thông tin theo quy định. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc xử lý rủi ro.

Cụ thể, khi phát hiện lô nguyên liệu không đảm bảo an toàn hoặc chất lượng, hệ thống phải cho phép truy vết toàn bộ

các bán thành phẩm hoặc thành phẩm đã sử dụng lô nguyên liệu đó. Ngược lại, khi phát hiện sản phẩm cuối cùng có vấn đề, doanh nghiệp cũng phải truy xuất được các lô nguyên liệu liên quan để xác định nguyên nhân.

Trong trường hợp cần thiết, nhà sản xuất đồ chơi có thể sử dụng phương thức quản lý thông tin để tiến hành gắn nhãn điện tử cho sản phẩm và quản lý



truy xuất nguồn gốc. Nhãn truy xuất nguồn gốc phải luôn được gắn trên bao bì sản phẩm, trên pallet sản phẩm hoặc các tài liệu kèm theo.

TCVN 13992:2024 được xây dựng trên cơ sở tham khảo tài liệu GB/T 34451-2017 Requirements and guidelines of product quality traceability management for toys; TCVN 13992:2024 do ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/GS1 Mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban TCĐLCL Quốc gia) đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố./.

()

TCVN ISO 56001:2025: CHUẨN HÓA TRIỂN KHAI HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỔI MỚI

Tiêu chuẩn TCVN ISO 56001:2025 - Hệ thống quản lý đổi mới - Các yêu cầu nhằm đưa ra ngôn ngữ và khuôn khổ chung cho các tổ chức để thiết lập và triển khai hệ thống quản lý đổi mới.



TCVN ISO 56001:2025 mang lại nhiều lợi ích

Thực tế cho thấy, năng lực đổi mới của tổ chức được thừa nhận là yếu tố quan trọng cho sự tồn tại, khả năng cạnh tranh, thích ứng và đổi mới của tổ chức, cũng như đối với sự phát triển bền vững của xã hội.

Trên cơ sở đó, tiêu chuẩn TCVN ISO 56001:2025 - Hệ thống quản lý đổi mới - Các yêu cầu đã được ban hành, nhằm đưa ra ngôn ngữ và khuôn khổ chung cho các tổ chức để thiết lập và triển khai hệ thống quản lý đổi mới.

Triển khai TCVN ISO 56001:2025 mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Trước hết, hệ thống này giúp gia tăng giá trị từ

các sản phẩm, dịch vụ, quy trình hay mô hình mới, không chỉ cho tổ chức mà còn cho các bên liên quan.

Nhờ quản lý hoạt động đổi mới một cách có hệ thống, tổ chức có thể nâng cao hiệu quả triển khai các sáng

kiến ngay cả trong điều kiện nhiều rủi ro và không chắc chắn, đồng thời từng bước xây dựng năng lực đổi mới bền vững.

Việc áp dụng hệ thống còn góp phần nâng cao uy tín của tổ chức, qua đó thu hút khách hàng, người dùng, nhân sự chất lượng cao và các đối tác. Khả năng hợp tác trong chuỗi giá trị và hệ sinh thái đổi mới cũng được cải thiện, mở rộng cơ hội tiếp cận nguồn lực và tài trợ. Quan trọng hơn, hệ thống quản lý đổi mới giúp tổ chức linh hoạt thích ứng và phát triển ổn định trong môi trường luôn biến động.

8 nguyên tắc quản lý đổi mới

Tiêu chuẩn này đề cập đến tám nguyên tắc quản lý đổi mới được mô tả trong TCVN ISO 56000, là nền tảng của hệ thống quản lý đổi mới. Các nguyên tắc như sau:

Hiện thực hóa giá trị: Giá trị, tài chính hoặc phi tài chính, được hiện thực hóa từ việc triển khai, áp dụng và tác động của các giải pháp mới hoặc đã thay

đối đối với các bên quan tâm;

Lãnh đạo hướng tới tương lai: Các nhà lãnh đạo ở mọi cấp độ, được thúc đẩy bởi sự tò mò và lòng dũng cảm, thách thức hiện trạng bằng cách xây dựng tầm nhìn và mục đích truyền cảm hứng, và liên tục thu hút mọi người để đạt được các mục tiêu đó;

Định hướng chiến lược: Định hướng cho các hoạt động đổi mới dựa trên các mục tiêu được thống nhất và chia sẻ và mức độ tham vọng có liên



quan, được hỗ trợ bởi những người cần thiết và các nguồn lực khác;

Văn hóa: Các giá trị, niềm tin và hành vi được chia sẻ, hỗ trợ cởi mở với sự thay đổi, chấp nhận rủi ro và hợp tác, cho phép sự sáng tạo và thực hiện hiệu quả cùng tồn tại;

Khai thác hiểu biết sâu sắc: Một loạt các nguồn nội bộ và bên ngoài đa dạng được sử dụng để xây dựng hiểu biết sâu sắc một cách có hệ thống và khai thác các nhu cầu đã tuyên bố và chưa tuyên bố.

Quản lý sự không chắc chắn: Sự không chắc chắn và rủi ro được đánh giá, tận dụng và sau đó được quản lý, bằng cách học hỏi từ quá trình thử nghiệm có

hệ thống và các quá trình lặp đi lặp lại, trong danh mục các cơ hội.

Khả năng thích ứng: Những thay đổi trong bối cảnh của tổ chức được giải quyết bằng cách điều chỉnh kịp thời các cấu trúc, quá trình, năng lực và mô hình hiện thực hóa giá trị để tối đa hóa khả năng đổi mới.

Cách tiếp cận hệ thống: Quản lý đổi mới dựa trên cách tiếp cận hệ thống với các yếu tố có liên quan và tương tác với nhau cũng như đánh giá kết quả hoạt động và cải tiến thường xuyên của hệ thống.

Nhìn chung, TCVN ISO 56001:2025 không chỉ là một bộ yêu cầu kỹ thuật mà còn là công cụ quản trị quan trọng, giúp các tổ chức chuyển từ đổi mới tự phát sang đổi mới có hệ thống. Việc áp dụng tiêu chuẩn này sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường khả năng thích ứng và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn./.

()

TCVN ISO 56001:2025 hoàn toàn tương đương với ISO 56001:2024 và có thể áp dụng cho mọi tổ chức, không phân biệt loại hình, quy mô, sản phẩm hay dịch vụ cung cấp, cũng như cách tiếp cận đổi mới.

TCVN ISO 56001:2025 do Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN/TC 279 Quản lý đổi mới biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

ASTM CẢI TIẾN ĐO ĐỘ NHỚT, TĂNG TỐC THỬ NGHIỆM TRONG PHÒNG LAB

TCVN Phương pháp thử nghiệm mới do ASTM International phát triển đang mở ra hướng tiếp cận hiệu quả hơn trong đo độ nhớt động học của các chất lỏng, đặc biệt là sản phẩm dầu mỡ.

Độ nhớt động học là chỉ tiêu quan trọng phản ánh khả năng chảy của chất lỏng, được sử dụng rộng rãi trong kiểm soát chất lượng nhiên liệu, dầu nhờn và nhiều loại hóa chất. Hiện nay, các phương pháp đo phổ biến thường dựa trên tiêu chuẩn truyền thống, đòi hỏi thời gian thử nghiệm dài và sử dụng thiết bị, hóa chất có thể tiềm ẩn rủi ro an toàn.

Trong bối cảnh đó, ASTM đã nghiên cứu và phát triển phương pháp thử mới với mục tiêu cải tiến toàn diện quy trình đo. Điểm nổi bật của phương pháp này là khả năng giảm đáng kể thời

gian thực hiện, nhờ tối ưu hóa thiết bị và quy trình phân tích. Điều này giúp các phòng thí nghiệm nâng cao hiệu suất làm việc, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu kiểm tra chất lượng ngày càng gia tăng.

Không chỉ nhanh hơn, phương pháp mới còn được thiết kế nhằm giảm thiểu yếu tố nguy hiểm trong quá trình thử nghiệm. Việc hạn chế sử dụng chất độc hại và giảm tiếp xúc của người vận hành với môi trường rủi ro góp phần nâng cao mức độ an toàn trong phòng thí nghiệm - yếu tố ngày càng được các doanh nghiệp và cơ quan quản lý chú trọng.

Bên cạnh đó, tính bền vững cũng là một điểm nhấn quan trọng. Phương pháp mới giúp giảm lượng hóa chất tiêu thụ và hạn chế chất thải phát sinh trong quá trình thử nghiệm. Điều này



phù hợp với xu hướng “xanh hóa” trong hoạt động sản xuất và kiểm nghiệm, đồng thời đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe về môi trường hiện nay.

Theo các chuyên gia, việc cải tiến phương pháp đo độ nhớt không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật mà còn có tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất. Độ nhớt là chỉ tiêu then chốt trong nhiều ngành công nghiệp như dầu khí, hóa chất, sản xuất vật liệu... Do đó, một phương pháp đo nhanh và chính xác hơn sẽ giúp doanh nghiệp kiểm soát chất lượng tốt hơn, đồng thời giảm chi phí vận hành và nâng cao năng lực cạnh tranh.

ASTM hiện đang phát triển và ban hành hàng nghìn tiêu chuẩn được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực công nghiệp. Việc liên tục cập nhật và cải tiến các phương pháp thử nghiệm cho thấy vai trò quan trọng của tổ chức

này trong việc thúc đẩy đổi mới công nghệ và đảm bảo chất lượng sản phẩm trên phạm vi toàn cầu.

Sự ra đời của phương pháp đo độ nhớt động học mới kỳ vọng sẽ sớm được các phòng thí nghiệm và doanh nghiệp tiếp nhận, từng bước thay thế các phương pháp truyền thống. Đây cũng là minh chứng cho xu hướng phát triển các giải pháp kỹ thuật không chỉ hướng đến hiệu quả mà còn đảm bảo an toàn và thân thiện với môi trường.

Trong bối cảnh các ngành công nghiệp đang chuyển dịch theo hướng số hóa và phát triển bền vững, những cải tiến như vậy sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa quy trình và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế ngày càng cao./.

()

CHUẨN MỚI MINH BẠCH HÓA CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU

ASTM International vừa ban hành loạt tiêu chuẩn mới nhằm tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong chuỗi cung ứng - một trong những vấn đề then chốt của thương mại toàn cầu hiện nay. Những tiêu chuẩn này được kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn nguồn gốc sản phẩm, tối ưu vận hành và nâng cao niềm tin của thị trường.

Trong bối cảnh chuỗi cung ứng ngày càng phức tạp, trải dài qua nhiều quốc gia và đối mặt nhiều rủi ro như gián đoạn logistics, gian lận thương mại, việc xây dựng chuẩn mực chung trở nên cấp thiết. Các tiêu chuẩn mới của ASTM tập

trung cải thiện khả năng truy xuất nguồn gốc, chuẩn hóa dữ liệu và tăng tính nhất quán trong quản lý.

Theo các chuyên gia, minh bạch chuỗi cung ứng không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn là yếu tố sống còn đối với doanh nghiệp. Khi thông tin về nguồn gốc, quy trình sản xuất và vận chuyển được kiểm soát rõ ràng, doanh nghiệp có thể giảm thiểu rủi ro, xử lý nhanh các sự cố và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Loạt tiêu chuẩn mới của ASTM được xây dựng theo phương pháp đồng thuận đa bên, với sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Điều này giúp tiêu chuẩn phản

ánh sát thực tiễn sản xuất, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và khả năng áp dụng rộng rãi trên toàn cầu.

Một điểm đáng chú ý là các tiêu chuẩn không chỉ tập trung vào khâu kiểm tra cuối cùng mà còn bao trùm toàn bộ vòng đời sản phẩm, từ nguyên liệu đầu vào, sản xuất, lưu thông đến phân phối. Việc chuẩn hóa các bước trong chuỗi cung ứng giúp doanh nghiệp dễ dàng tích hợp hệ thống quản lý, giảm chi phí kiểm soát và nâng cao hiệu suất vận hành.

Bên cạnh đó, tiêu chuẩn ASTM còn đóng vai trò như “ngôn ngữ chung” trong thương mại quốc tế. Khi các bên cùng tuân thủ một hệ thống tiêu chuẩn, việc trao đổi hàng hóa trở nên thuận lợi hơn, giảm thiểu tranh chấp và rào cản kỹ thuật. Đây cũng là yếu tố giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường và tham gia

ngành nâng cao uy tín thương hiệu. Những sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, kiểm soát theo tiêu chuẩn quốc tế sẽ dễ dàng chiếm được niềm tin của thị trường, từ đó gia tăng lợi thế cạnh tranh.

Không chỉ mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, các tiêu chuẩn mới còn hỗ trợ cơ quan quản lý trong việc giám sát thị trường, kiểm soát chất lượng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Việc chuẩn hóa dữ liệu và quy trình giúp tăng khả năng phối hợp giữa các bên, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Hiện nay, ASTM đã phát triển hàng chục nghìn tiêu chuẩn kỹ thuật, được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực từ công nghiệp, xây dựng đến năng lượng và y tế. Việc liên tục cập nhật và ban hành tiêu chuẩn mới cho thấy vai trò quan trọng của tổ chức này trong việc thúc đẩy đổi mới và đảm bảo chất lượng trên phạm vi toàn cầu.

Sự ra đời của tiêu chuẩn mới về chuỗi cung ứng là bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc tế. Trong bối cảnh kinh tế số và thương mại toàn cầu phát triển mạnh mẽ, đây sẽ là nền tảng

giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng tới hệ sinh thái sản xuất và phân phối minh bạch, bền vững hơn./.

()



sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Đặc biệt, trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến tính minh bạch và bền vững, việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như ASTM giúp doanh

ISO 14001:2026: TỪ “TUÂN THỦ” SANG CẠNH TRANH XANH

Phiên bản mới của ISO 14001 dự kiến ban hành năm 2026 đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong cách tiếp cận quản lý môi trường của doanh nghiệp. Không còn dừng ở việc đáp ứng yêu cầu tuân thủ, tiêu chuẩn này được định hình theo hướng trở thành công cụ chiến lược giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.



ISO 14001 vốn là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp kiểm soát tác động môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, trước những thách thức ngày càng lớn như biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và áp lực từ thị trường, phiên bản 2026 được điều chỉnh để phù hợp hơn với bối cảnh mới.

Một trong những điểm nổi bật là việc nhấn mạnh mối liên hệ giữa hiệu quả môi trường và hiệu quả kinh doanh. Thay vì coi quản lý môi trường là nghĩa vụ, tiêu chuẩn mới khuyến khích doanh nghiệp tích hợp các yếu tố môi trường vào chiến lược phát triển dài hạn. Điều này giúp doanh nghiệp không chỉ giảm

thiếu rủi ro mà còn tạo ra giá trị gia tăng trong hoạt động sản xuất.

Phiên bản cập nhật cũng mở rộng phạm vi quản lý theo hướng toàn diện hơn, bao gồm yếu tố như biến đổi khí hậu, tư duy vòng đời sản phẩm và trách nhiệm trong chuỗi cung ứng. Doanh nghiệp được yêu cầu đánh giá tác động môi trường không chỉ trong nội bộ mà còn trong toàn bộ chuỗi giá trị, từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng.

Bên cạnh đó, tiêu chuẩn mới làm rõ hơn yêu cầu về quản lý rủi ro và cơ hội. Các tổ chức cần chủ động nhận diện thay đổi về môi trường, pháp lý để điều chỉnh hoạt động kịp thời.

Một điểm đáng chú ý khác là khả năng tích hợp cao của phiên bản với các hệ thống quản lý khác như ISO 9001 hay ISO 45001. Nhờ cấu trúc hài hòa, doanh nghiệp có thể xây dựng hệ thống quản trị đồng bộ, tối ưu nguồn lực và nâng cao hiệu quả vận hành.

Trong bối cảnh các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị ngày càng được coi trọng, ISO 14001:2026 là công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín và khả năng tiếp cận thị trường. Nhiều đối tác, nhà đầu tư hiện nay yêu cầu minh bạch về trách nhiệm môi trường, khiến việc áp dụng tiêu chuẩn này trở thành lợi thế cạnh tranh rõ rệt.

Không chỉ mang lại lợi ích về hình ảnh, việc triển khai ISO 14001 còn giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu quả vận

hành. Thông qua việc thiết lập các chỉ số đo lường và cơ chế giám sát, doanh nghiệp có thể giảm lãng phí, tối ưu sử dụng tài nguyên và tiết kiệm chi phí.

Tại Việt Nam, số lượng doanh nghiệp áp dụng ISO 14001 đang có xu hướng gia tăng, đặc biệt trong các ngành xuất khẩu và công nghiệp. Điều này cho thấy nhận thức về phát triển bền vững ngày càng nâng cao, đồng thời phản ánh

yêu cầu hội nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Có thể thấy, ISO 14001:2026 không chỉ là bản cập nhật kỹ thuật mà còn là bước chuyển về tư duy quản trị. Từ cách tiếp cận “tuân thủ” sang “chủ động”, từ “giảm thiểu tác động” sang “tạo giá trị”, tiêu chuẩn này đang mở ra hướng đi mới cho doanh nghiệp trong hành trình phát triển xanh và bền vững./.

()

TCVN 13788:2023 THÚC ĐẨY THIẾT KẾ GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Một trong những yêu cầu chung của TCVN 13788:2023 là tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì ECD như một phần không thể thiếu của thiết kế và phát triển bằng cách tích hợp các yêu cầu tương ứng vào các quy trình và hướng dẫn liên quan.

việc tích hợp yếu tố môi trường ngay từ khâu thiết kế sản phẩm được xem là giải pháp căn cơ để giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái. Chính vì vậy, TCVN 13788:2023 về “Thiết kế có tính ý thức về môi trường - Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn” đã được ban hành.



TCVN 13788:2023 nhằm mô tả các nguyên tắc, quy định các yêu cầu và cung cấp hướng dẫn cho các tổ chức có ý định tích hợp các yếu tố môi trường vào thiết kế và phát triển nhằm giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường của sản phẩm.

Nói cách khác, tiêu chuẩn này áp dụng cho các quy trình về cách ECD (thiết kế có ý thức về môi trường) được

Trong bối cảnh yêu cầu phát triển bền vững ngày càng trở nên cấp thiết,

tích hợp vào thiết kế và phát triển. Tiêu chuẩn này áp dụng cho bất kỳ tổ chức

nào, bất kể quy mô, loại hình hoặc lĩnh vực của tổ chức đó, đồng thời không đưa ra các yêu cầu về đánh giá sự phù hợp của các sản phẩm riêng lẻ.

Một trong những yêu cầu chung của TCVN 13788:2023 là tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì ECD như một phần không thể thiếu của thiết kế và phát triển bằng cách tích hợp các yêu cầu tương ứng vào các quy trình và hướng dẫn liên quan. ECD phải được phản ánh trong chính sách và chiến lược của tổ chức. Đồng thời, nếu một tổ chức có hệ

thống quản lý bao gồm thiết kế và phát triển, thì ECD phải là một bộ phận của hệ thống quản lý đó.

TCVN 13788:2023 hoàn toàn tương đương với IEC 62430:2019; TCVN 13788:2023 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/E3 Thiết bị điện tử dân dụng biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định (nay là Ủy ban TCĐLCL Quốc gia), Bộ Khoa học và Công nghệ công bố./.

()

CHUẨN HÓA KẾT NỐI XE ĐIỆN - LƯỚI ĐIỆN

Việc ban hành TCVN 14333-1:2025 về kết nối giữa xe điện và lưới điện được xem là bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện hạ tầng cho giao thông điện hóa tại Việt Nam. Tiêu chuẩn này không chỉ tạo nền tảng kỹ thuật cho việc sạc xe điện mà còn mở ra khả năng tích hợp xe điện vào hệ thống năng lượng thông minh trong tương lai.

TCVN 14333-1:2025 quy định về giao diện truyền thông tin giữa xe điện và thiết bị cấp điện, bao gồm yêu cầu chung, thuật ngữ và các trường hợp sử dụng điển hình. Tiêu chuẩn tương đương hoàn toàn với ISO 15118-1:2019 - bộ tiêu chuẩn quốc tế về giao tiếp xe điện - lưới điện, qua đó đảm bảo khả năng tương thích và hội nhập với hệ thống toàn cầu.



Điểm đáng chú ý là tiêu chuẩn không chỉ dừng ở việc hỗ trợ sạc điện cho xe mà còn hướng tới mô hình “vehicle-to-grid” (V2G) cho phép xe điện truyền ngược điện năng trở lại lưới. Điều này giúp tối ưu hóa sử dụng năng lượng, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu

điện tăng cao và hệ thống năng lượng đang chuyển dịch theo hướng linh hoạt, phân tán.

Cụ thể, tiêu chuẩn đưa ra các quy định về truyền thông dữ liệu giữa bộ điều khiển xe điện (EVCC) và bộ điều khiển thiết bị cấp điện (SECC), bao gồm cả hình thức kết nối có dây và không dây. Các nội dung như nhận dạng thiết bị, điều khiển sạc - xả, thanh toán, cân bằng tải, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu đều được đề cập, tạo nền tảng cho một hệ sinh thái sạc điện thông minh và an toàn.

Việc chuẩn hóa giao tiếp giữa xe điện và lưới điện có ý nghĩa quan trọng trong phát triển đồng bộ hạ tầng sạc. Khi các thiết bị và phương tiện tuân thủ cùng một tiêu chuẩn, khả năng kết nối và vận hành sẽ trở nên thống nhất, tránh tình trạng “mỗi nơi một kiểu”, gây khó khăn cho người dùng và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tiêu chuẩn cũng mở ra cơ hội cho các mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực năng lượng và giao thông. Xe điện không còn chỉ là phương tiện di chuyển mà có thể trở thành “nguồn lưu trữ điện di động”, tham gia vào việc điều tiết phụ tải, hỗ trợ lưới điện trong giờ cao điểm hoặc cung cấp điện cho các thiết bị gia đình khi cần thiết.

Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy chuyển đổi năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính, việc xây dựng các tiêu chuẩn như TCVN 14333 đóng vai trò nền tảng. Đây là công cụ quan trọng giúp định hướng phát triển công nghệ, thu hút đầu tư và tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị mới của ngành công nghiệp xe điện./.

()



ISO THIẾT LẬP CHUẨN MỰC MỚI CHO CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU NỀN TẢNG CHO MINH BẠCH BỀN VỮNG

Trong bối cảnh các tuyên bố về phát triển bền vững ngày càng gia tăng cả về số lượng lẫn mức độ phức tạp, việc thiếu một hệ quy chiếu thống nhất đang trở thành điểm nghẽn lớn đối với niềm tin thị trường.



Nhằm giải quyết vấn đề này, Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) đã ban hành hai tiêu chuẩn mới, ISO 22095-2:2026 và ISO 22095-3:2026 với mục tiêu làm rõ cách thức theo dõi, phân bổ và xác thực các đặc tính bền vững trong chuỗi cung ứng. Đây không chỉ là bước hoàn thiện về mặt kỹ thuật, mà còn là nỗ lực thiết lập một “ngôn ngữ chung” cho truy xuất nguồn gốc trên phạm vi toàn cầu.

Hai tiêu chuẩn này được xây dựng trên nền tảng của ISO 22095:2020 – tiêu chuẩn khung đã định nghĩa các thuật ngữ và mô hình chuỗi hành trình sản phẩm. Nếu tiêu chuẩn gốc đóng vai trò định hình khái niệm, thì ISO 22095-2 và ISO 22095-3 đi sâu vào hướng dẫn triển khai

cụ thể đối với hai mô hình phổ biến nhất hiện nay, qua đó giải quyết những khác biệt trong cách hiểu và áp dụng giữa các ngành, các khu vực và các hệ thống chứng nhận.

Trong đó, ISO 22095-2 tập trung vào mô hình “mass balance” (cân bằng khối lượng) phương pháp được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như hóa chất, nhựa, dệt may hay nông nghiệp. Bản chất của mô hình này là cho phép trộn lẫn nguyên liệu có đặc tính bền vững với nguyên liệu truyền thống trong cùng

một quy trình sản xuất, đồng thời đảm bảo tổng lượng đặc tính bền vững được ghi nhận và phân bổ một cách chính xác trong toàn hệ thống. Tuy nhiên, chính sự linh hoạt này cũng khiến “mass balance” trở thành một trong những mô hình dễ bị hiểu sai hoặc áp dụng thiếu nhất quán. ISO 22095-2 vì vậy đưa ra các yêu cầu rõ ràng về ranh giới hệ thống, phương pháp phân bổ và cách thức truyền đạt thông tin, nhằm đảm bảo rằng các tuyên bố đưa ra là minh bạch, nhất quán và có thể kiểm chứng.

Song song với đó, ISO 22095-3 giải quyết một thách thức khác mang tính thực tiễn cao hơn, khi việc truy xuất vật lý không còn khả thi trong một số chuỗi cung ứng phức tạp. Tiêu chuẩn này xây

dựng khung hướng dẫn cho mô hình “book and claim” (phương pháp truy xuất nguồn gốc gián tiếp), trong đó các đặc tính bền vững được tách khỏi dòng vật chất và được giao dịch thông qua các công cụ quản lý, chẳng hạn như các chứng nhận hoặc tín chỉ. Cách tiếp cận này cho phép doanh nghiệp vẫn có thể tham gia và hỗ trợ các hoạt động sản xuất bền vững, ngay cả khi không trực tiếp sử dụng nguồn nguyên liệu tương ứng. Tuy nhiên, đi kèm với đó là rủi ro về tính minh bạch và khả năng “đếm trùng” các thuộc tính bền vững. ISO 22095-3 vì thế đặt ra các nguyên tắc chặt chẽ về quản trị hệ thống, phân định trách nhiệm và kiểm soát thông tin, nhằm đảm bảo tính toàn vẹn của các tuyên bố.

Khi các nguyên tắc được chuẩn hóa, doanh nghiệp, tổ chức chứng nhận và cơ quan quản lý có thể dựa trên cùng một hệ quy chiếu, từ đó giảm thiểu xung đột và tăng cường khả năng so sánh giữa các hệ thống khác nhau.

Ở góc độ rộng hơn, ISO 22095-2 và ISO 22095-3 còn mang ý nghĩa chiến

lược đối với thương mại quốc tế. Trong một thế giới mà chuỗi cung ứng ngày càng xuyên biên giới và đa tầng, việc thiếu tiêu chuẩn chung không chỉ làm tăng chi phí tuân thủ mà còn cản trở dòng chảy hàng hóa. Việc ISO đưa ra các tiêu chuẩn “ô” nhằm hài hòa các phương pháp truy xuất nguồn gốc được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững.

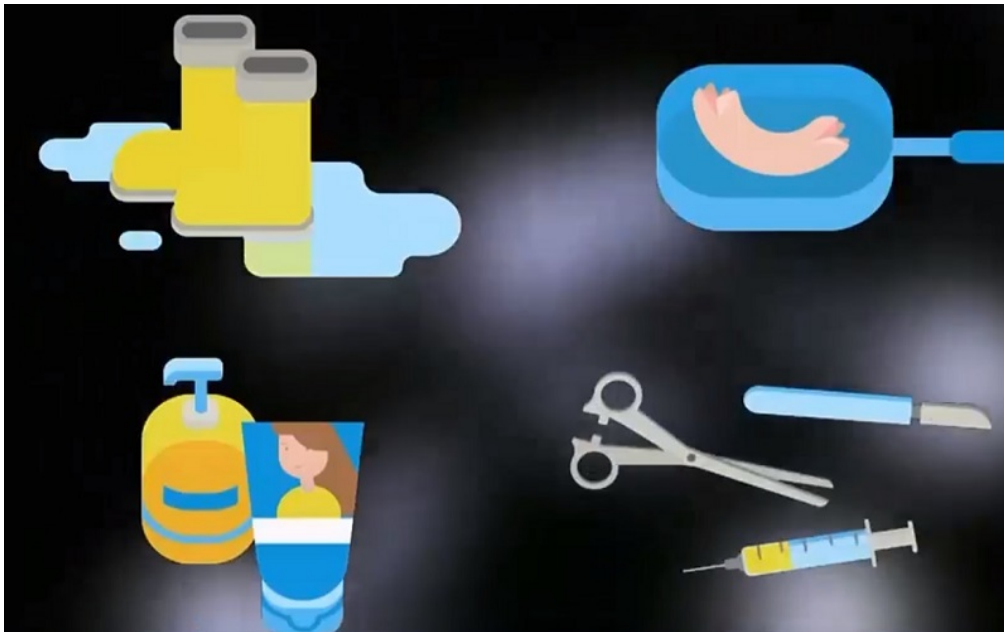
Có thể nói, nếu ISO 22095:2020 đặt nền móng cho tư duy truy xuất nguồn gốc, thì ISO 22095-2 và ISO 22095-3 chính là bước tiến mang tính vận hành, giúp biến các nguyên tắc thành thực tiễn áp dụng. Trong bối cảnh “niềm tin” ngày càng trở thành yếu tố cốt lõi của cạnh tranh, hai tiêu chuẩn này không chỉ góp phần nâng cao tính minh bạch của chuỗi cung ứng, mà còn định hình lại cách các cam kết bền vững được hiểu, được kiểm chứng và được công nhận trên phạm vi toàn cầu./.

()



TIÊU CHUẨN MỚI VỀ PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU HÓA CHẤT VĨNH CỬU

Sự lan rộng của các hợp chất PFAS trong môi trường đang đặt ra những thách thức chưa từng có đối với công tác quan trắc và kiểm soát. Việc ASTM International ban hành tiêu chuẩn mới về phương pháp lấy mẫu PFAS được kỳ vọng sẽ tạo ra nền tảng kỹ thuật thống nhất, góp phần nâng cao độ tin cậy của dữ liệu môi trường và hỗ trợ ra quyết định chính sách.



Tiêu chuẩn mới – ASTM E3511 không đơn thuần là một hướng dẫn kỹ thuật riêng lẻ, mà được xây dựng như một khung tiếp cận toàn diện, bao trùm toàn bộ quy trình lấy mẫu. Từ khâu lập kế hoạch, thiết kế chương trình, lựa chọn phương pháp thu thập mẫu cho đến các yêu cầu cụ thể đối với từng loại môi trường như nước, đất hay sinh vật, tất cả đều được hệ thống hóa một cách chặt chẽ. Điểm đáng chú ý là tiêu chuẩn đặc biệt nhấn mạnh vai trò của kiểm soát chất lượng tại hiện trường, yếu tố thường bị xem nhẹ nhưng lại có ảnh

hưởng quyết định đến độ tin cậy của kết quả phân tích.

Một trong những thách thức lớn nhất trong lấy mẫu PFAS nằm ở nguy cơ nhiễm chéo. Do PFAS hiện diện trong rất nhiều vật liệu quen thuộc như bao bì, dụng cụ thí nghiệm, thậm chí cả trang phục bảo hộ, việc vô tình đưa các hợp chất này vào mẫu thử là điều hoàn toàn có thể xảy ra nếu quy trình không đủ nghiêm ngặt. ASTM E3511 vì vậy đặt ra

các yêu cầu khắt khe nhằm kiểm soát rủi ro này, từ việc lựa chọn thiết bị đến cách thức thao tác tại hiện trường. Cách tiếp cận này giúp giảm thiểu sai số và đảm bảo rằng dữ liệu thu được phản ánh đúng hiện trạng môi trường.

Không

chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật, tiêu chuẩn còn đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ quản lý. Trước đây, sự thiếu nhất quán trong phương pháp lấy mẫu đã dẫn đến tình trạng “mỗi nơi một kiểu”, khiến việc so sánh dữ liệu giữa các khu vực hoặc các nghiên cứu khác nhau trở nên khó khăn. Với ASTM E3511, một ngôn ngữ chung đã được thiết lập, cho phép các bên liên quan – từ cơ quan quản lý, phòng thí nghiệm đến doanh nghiệp có thể phối hợp hiệu quả hơn và đưa ra các quyết định dựa trên dữ liệu có độ tin cậy cao hơn.

Trong bối cảnh PFAS bao gồm

hàng nghìn hợp chất khác nhau và thường được phát hiện ở nồng độ cực thấp, đôi khi chỉ ở mức phần nghìn tỷ, yêu cầu về độ chính xác của việc lấy mẫu càng trở nên khắt khe. Tiêu chuẩn mới không nhằm thay thế các quy định hiện hành, mà đóng vai trò bổ trợ, giúp các tổ chức đáp ứng tốt hơn các yêu cầu pháp lý và nâng cao chất lượng hệ thống giám sát môi trường.

Có thể thấy, ASTM E3511 là một mảnh ghép quan trọng trong hệ sinh thái tiêu chuẩn liên quan đến PFAS đang dần được hoàn thiện. Khi các phương pháp lấy mẫu được chuẩn hóa, chuỗi giá trị từ thu thập đến phân tích dữ liệu sẽ trở nên

đồng bộ hơn, qua đó nâng cao hiệu quả của các chương trình quan trắc và kiểm soát ô nhiễm.

Trong dài hạn, tiêu chuẩn này không chỉ mang lại lợi ích về mặt kỹ thuật mà còn góp phần định hình cách tiếp cận toàn cầu đối với vấn đề PFAS. Khi dữ liệu trở nên đáng tin cậy và có thể so sánh, các quốc gia sẽ có cơ sở vững chắc hơn để xây dựng chính sách, đánh giá rủi ro và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Đây chính là giá trị cốt lõi mà một tiêu chuẩn, nếu được xây dựng và triển khai đúng cách, có thể mang lại./

()

TCVN 14295:2025 – BƯỚC TIẾN MỚI TRONG KIỂM SOÁT ĐỘ BỀN SINH HỌC CỦA VẬT LIỆU PHỦ

Trong bối cảnh khí hậu nhiệt đới ẩm tạo điều kiện thuận lợi cho nấm mốc phát triển, việc kiểm soát chất lượng sơn và lớp phủ đang trở thành yêu cầu cấp thiết. Sự ra đời của TCVN 14295:2025 không chỉ cung cấp một phương pháp thử nghiệm khoa học, chuẩn hóa, mà còn góp phần nâng cao độ bền và an toàn cho công

trình xây dựng tại Việt Nam.

TCVN 14295:2025 được Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc chuẩn hóa phương pháp đánh giá khả năng kháng nấm mốc của sơn và lớp phủ. Tiêu chuẩn này quy định cụ thể quy trình thử nghiệm gia tốc kéo dài bốn tuần trên môi trường đĩa thạch, nhằm xác định



mức độ chống chịu của vật liệu trước sự xâm nhập và phát triển của nấm mốc trong điều kiện thuận lợi nhất.

Khác với các phương pháp thử nghiệm thông thường, TCVN 14295:2025 mô phỏng môi trường “lý tưởng” cho vi sinh vật phát triển bằng cách sử dụng đĩa thạch nuôi cấy. Trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm được kiểm soát chặt chẽ, mẫu sơn hoặc lớp phủ được tiếp xúc trực tiếp với các

chúng nấm mốc điển hình như *Aspergillus niger*. Qua đó, khả năng kháng nấm của vật liệu được đánh giá dựa trên mức độ phát triển, lan rộng của vi sinh vật trên bề mặt mẫu sau thời gian thử nghiệm.

Việc áp dụng phương pháp thử nghiệm gia tốc trong vòng bốn tuần mang lại lợi thế lớn về thời gian so với các thử nghiệm tự nhiên kéo dài hàng tháng hoặc hàng năm. Điều này cho phép các nhà sản xuất nhanh chóng đánh giá và cải tiến sản phẩm, đồng thời giúp cơ quan quản lý có công cụ kỹ thuật hiệu quả để kiểm soát chất lượng sơn lưu

thông trên thị trường.

Không chỉ dừng lại ở góc độ kỹ thuật, tiêu chuẩn này còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong điều kiện Việt Nam – nơi khí hậu nóng ẩm là nguyên nhân chính gây ra hiện tượng nấm mốc trên tường và bề mặt công trình. Nấm mốc không chỉ làm giảm tính thẩm mỹ mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng và độ bền của vật liệu. Do đó, việc đánh giá và nâng cao khả năng kháng nấm của sơn và lớp phủ là yếu tố then chốt trong việc đảm bảo chất lượng không gian sống./.

()

KHÁCH SẠN XANH VÀ BÀI TOÁN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG: XU HƯỚNG TẤT YẾU TRONG NGÀNH LƯU TRÚ HIỆN ĐẠI

Trước áp lực chi phí vận hành và yêu cầu phát triển bền vững, nhiều khách sạn tại Việt Nam đang đẩy mạnh chiến lược tiết kiệm năng lượng. Từ quản lý hệ thống đến ứng dụng công nghệ, các mô hình cho thấy hiệu quả rõ rệt trong giảm tiêu hao và tối ưu vận hành.

Trong bối cảnh ngành du lịch phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, hệ thống

khách sạn và cơ sở lưu trú tại Việt Nam đang chứng kiến sự gia tăng đáng kể về mức tiêu thụ năng lượng. Các hoạt động như điều hòa không khí, chiếu sáng, giặt là, bếp ăn và vận hành thiết bị kỹ thuật chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí vận hành.

Theo các báo cáo ngành dịch vụ lưu trú, chi phí năng lượng có thể chiếm từ 10% đến 25% tổng chi phí vận hành



khách sạn, tùy theo quy mô và tiêu chuẩn sao. Với các khách sạn cao cấp, con số này còn cao hơn do yêu cầu tiện nghi liên tục 24/7. Điều này khiến bài toán tiết kiệm năng lượng không chỉ mang ý nghĩa môi trường

mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều cơ sở lưu trú vẫn vận hành theo mô hình truyền thống, phụ thuộc vào kinh nghiệm quản lý hơn là hệ thống giám sát năng lượng chuyên sâu. Việc sử dụng thiết bị cũ, thiếu đồng bộ hoặc vận hành chưa tối ưu dẫn đến thất thoát năng lượng đáng kể. Bên cạnh đó, nhận thức về “khách sạn xanh” dù đã cải thiện nhưng chưa đồng đều giữa các phân khúc thị trường.

Trong khi đó, xu hướng du lịch bền vững đang ngày càng rõ rệt. Du khách quốc tế, đặc biệt từ châu Âu và Bắc Mỹ, có xu hướng lựa chọn những khách sạn thân thiện môi trường, có chứng nhận xanh hoặc áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng. Điều này tạo ra áp lực buộc ngành khách sạn phải thay đổi mô hình vận hành theo hướng hiệu quả và bền vững hơn.

Một trong những ví dụ tiêu biểu về mô hình khách sạn tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam là InterContinental Hanoi Westlake. Thay vì chỉ tập trung vào các giải pháp đơn lẻ, khách sạn này lựa chọn cách tiếp cận mang tính hệ thống trong quản lý năng lượng. Ngay từ đầu, đơn vị đã xây dựng bộ phận quản lý năng lượng chuyên trách, thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ và lập kế hoạch sử dụng năng lượng theo năm cũng như dài hạn. Cách làm này giúp xác định rõ các khu vực tiêu thụ lớn, từ đó đưa ra giải pháp cải thiện có trọng tâm thay vì xử lý rời rạc.

Nhờ chiến lược này, mức tiêu thụ điện năng tại khách sạn đã ghi nhận xu hướng giảm ổn định qua nhiều năm, từ

hơn 11,8 triệu kWh xuống còn khoảng 9,7 triệu kWh. Đây là kết quả của quá trình kết hợp giữa quản trị nội bộ và đầu tư công nghệ, thay vì chỉ phụ thuộc vào một yếu tố đơn lẻ.

Một trong những công cụ quan trọng được triển khai là hệ thống quản lý tòa nhà (BMS – Building Management System). Hệ thống này cho phép giám sát và điều khiển toàn bộ hoạt động tiêu thụ năng lượng theo thời gian thực. Các thiết bị như điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng, bơm nước và quạt thông gió được điều chỉnh tự động dựa trên tải sử dụng thực tế.

Bên cạnh đó, việc tích hợp cảm biến và thiết bị đo lường tại nhiều khu vực giúp khách sạn theo dõi chính xác mức tiêu thụ theo từng không gian. Từ dữ liệu thu thập được, đội ngũ kỹ thuật có thể nhanh chóng điều chỉnh chế độ vận hành, hạn chế tình trạng tiêu hao dư thừa không cần thiết.

Không chỉ riêng InterContinental Hanoi Westlake, nhiều thương hiệu khách sạn quốc tế và khu nghỉ dưỡng tại Việt Nam cũng đang đẩy mạnh chiến lược tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững. Một ví dụ đáng chú ý là mô hình nghỉ dưỡng sinh thái tại các khu resort cao cấp như Six Senses Ninh Van Bay. Tại đây, các giải pháp như tận dụng ánh sáng tự nhiên, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường và tối ưu thiết kế thông gió tự nhiên được áp dụng nhằm giảm phụ thuộc vào năng lượng điện. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động vận hành được thiết kế để hạn chế tối đa tác động đến hệ sinh thái xung quanh.

Ở phân khúc khách sạn đô thị, các tập đoàn quốc tế như Accor hay Marriott

cũng đang triển khai các chương trình giảm phát thải carbon và tối ưu năng lượng trên quy mô toàn cầu. Các giải pháp phổ biến bao gồm thay thế hệ thống chiếu sáng LED, ứng dụng công nghệ quản lý thông minh, tái sử dụng nước và tối ưu hóa hệ thống điều hòa trung tâm.

Tại Việt Nam, nhiều khách sạn 4-5 sao mới xây dựng cũng bắt đầu tích hợp tiêu chí “xanh” ngay từ khâu thiết kế. Điều này cho thấy xu hướng tiết kiệm năng lượng không còn là lựa chọn mang tính bổ trợ, mà đang trở thành tiêu chuẩn cạnh tranh trong ngành lưu trú. Có thể thấy, việc tiết kiệm năng lượng trong khách sạn không chỉ đơn thuần là

giải pháp giảm chi phí, mà đã trở thành một phần trong chiến lược phát triển bền vững dài hạn. Khi công nghệ, quản lý và nhận thức cùng thay đổi, ngành lưu trú đang dịch chuyển mạnh mẽ sang mô hình vận hành thông minh hơn.

Trong tương lai, các khách sạn áp dụng hệ thống quản lý năng lượng toàn diện, kết hợp dữ liệu thời gian thực và trí tuệ nhân tạo, sẽ có lợi thế rõ rệt về chi phí vận hành và hình ảnh thương hiệu. Đồng thời, đây cũng là yếu tố quan trọng giúp ngành du lịch đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe trên toàn cầu./

0

TCVN 14536:2025 CHUẨN HÓA PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH KÍCH THƯỚC GHẾ VĂN PHÒNG

Nhằm thống nhất cách đo và xác định kích thước ghế văn phòng, đảm bảo tính công thái học và chất lượng sản phẩm, TCVN 14536:2025 được ban hành như một hướng dẫn kỹ thuật phù hợp thông lệ quốc tế.



Trong bối cảnh môi trường làm việc hiện đại ngày càng chú trọng đến sức khỏe và hiệu suất của người lao động, ghế văn phòng không còn đơn thuần là một sản phẩm nội thất mà đã trở thành yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến tư thế, sự thoải mái và năng suất làm việc.

Tuy nhiên, thực tế trên thị trường cho thấy kích thước và thiết kế ghế văn phòng hiện nay còn thiếu sự đồng bộ. Nhiều sản phẩm không đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về công thái học, dẫn đến tình trạng người sử dụng bị mỏi cơ, đau lưng hoặc các vấn đề về cột sống khi ngồi làm việc trong thời gian dài. Một

nguyên nhân đáng chú ý là việc thiếu các phương pháp đo lường thống nhất, khiến kích thước sản phẩm giữa các nhà sản xuất có sự chênh lệch đáng kể. Điều này không chỉ gây khó khăn cho người tiêu dùng trong việc lựa chọn mà còn ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trước yêu cầu đó, TCVN 14536:2025, tương đương với ISO 24496:2021, được ban hành nhằm thiết lập phương pháp xác định kích thước đối với ghế văn phòng. Tiêu chuẩn này đóng vai trò như một công cụ kỹ thuật quan trọng, giúp các nhà sản xuất, cơ quan kiểm định và đơn vị thiết kế có chung một hệ quy chiếu trong việc đo lường và đánh giá sản phẩm.

Một trong những nội dung cốt lõi của tiêu chuẩn là quy định rõ các thông số kích thước cần được xác định trên ghế văn phòng. Các kích thước này bao gồm chiều cao mặt ngồi, chiều sâu và chiều rộng ghế, chiều cao tựa lưng, cũng như các yếu tố liên quan đến tay vịn. Việc xác định chính xác các thông số này là cơ sở để đảm bảo ghế phù hợp với đặc điểm cơ thể người sử dụng, từ đó cải thiện tư thế

ngồi và giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

Bên cạnh việc liệt kê các thông số cần đo, tiêu chuẩn còn hướng dẫn chi tiết phương pháp đo lường. Điều này bao gồm cách xác định điểm đo, tư thế đặt ghế khi đo và các dụng cụ cần sử dụng. Việc chuẩn hóa phương pháp đo giúp đảm bảo tính nhất quán giữa các phép đo, hạn chế sai số và tăng độ tin cậy của kết quả. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng trong quá trình kiểm định chất lượng và so sánh sản phẩm giữa các nhà sản xuất.

Tiêu chuẩn cũng nhấn mạnh đến các điều kiện thực hiện phép đo nhằm đảm bảo kết quả phản ánh đúng đặc tính của sản phẩm. Các yếu tố như độ nghiêng, khả năng điều chỉnh của ghế cũng cần được xem xét trong quá trình đo, nhằm phản ánh đầy đủ tính năng thực tế của sản phẩm.

Ngoài ra, việc áp dụng TCVN 14536:2025 còn góp phần hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, tiêu chuẩn cũng giúp tăng tính minh bạch trong thông tin sản phẩm, tạo niềm tin cho người tiêu dùng./
()

TCVN 13434-2:2025: ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG SƠN PHENOL CHO BỀ MẶT GỖ BỀN VÀ ỔN ĐỊNH

Nhằm nâng cao chất lượng lớp phủ, tăng độ bền và khả năng bảo vệ của sản phẩm gỗ trong các điều kiện sử dụng khác nhau, TCVN 13434-2:2025 được ban hành nhằm hướng dẫn phân loại, lựa chọn và sử dụng sơn phenol một cách phù hợp, an

toàn, hiệu quả và tiết kiệm các yêu cầu kỹ thuật hiện đại.

Trong những năm gần đây, ngành chế biến và sản xuất đồ gỗ tại Việt Nam phát triển mạnh mẽ, không chỉ phục vụ nhu cầu trong nước mà còn hướng đến xuất khẩu. Cùng với sự tăng trưởng đó,

yêu cầu về chất lượng bề mặt sản phẩm ngày càng trở nên khắt khe hơn. Lớp sơn phủ không chỉ đóng vai trò tạo tính thẩm mỹ mà còn bảo vệ gỗ khỏi tác động của môi trường như độ ẩm, nhiệt độ và các yếu tố hóa học. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc sử dụng sơn phủ trong nhiều cơ sở sản xuất vẫn còn thiếu đồng bộ. Một số doanh nghiệp lựa chọn sơn dựa trên kinh nghiệm hoặc chi phí, thay vì dựa trên đặc tính kỹ thuật và mục đích

phẩm gỗ sử dụng sơn phenol nhưng vẫn gặp các vấn đề như nứt bề mặt, đổi màu hoặc giảm khả năng bảo vệ theo thời gian. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc thiếu các hướng dẫn kỹ thuật cụ thể và thống nhất trong quá trình lựa chọn, áp dụng và kiểm soát chất lượng sơn.

Trước bối cảnh đó, TCVN 13434-2:2025 được ban hành nhằm cung cấp một khung hướng dẫn rõ ràng về nhóm sơn phenol dùng cho bề mặt sản phẩm



gỗ. Tiêu chuẩn này đóng vai trò như một tài liệu kỹ thuật giúp các doanh nghiệp, nhà sản xuất và đơn vị kiểm định có cơ sở chung trong việc phân loại và sử dụng loại sơn này.

Một trong những sử dụng cụ thể. Điều này dẫn đến tình trạng lớp phủ nhanh xuống cấp, bong tróc hoặc không đảm bảo độ bền khi sử dụng trong thời gian dài.

Bên cạnh đó, sự đa dạng của các loại sơn trên thị trường cũng khiến việc lựa chọn trở nên phức tạp hơn. Trong đó, sơn phenol là một nhóm vật liệu có nhiều ưu điểm về độ bền cơ học và khả năng chịu tác động môi trường, nhưng nếu không được phân loại và sử dụng đúng cách, hiệu quả mang lại có thể không như mong muốn. Không ít sản

phẩm nội dung quan trọng của tiêu chuẩn là việc phân nhóm sơn phenol dựa trên đặc tính và mục đích sử dụng. Việc phân loại này giúp người sử dụng dễ dàng lựa chọn loại sơn phù hợp với từng điều kiện cụ thể, chẳng hạn như môi trường trong nhà hay ngoài trời, hoặc các yêu cầu về độ bền và khả năng chịu tác động. Nhờ đó, lớp phủ không chỉ đạt yêu cầu về thẩm mỹ mà còn đảm bảo hiệu quả bảo vệ lâu dài cho sản phẩm gỗ./

()

HỢP CHUẨN, HỢP QUY – “LÁ CHẮN” BẢO VỆ AN TOÀN THÔNG TIN CAMERA GIÁM SÁT

Trong bối cảnh hàng triệu camera giám sát kết nối Internet đang trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống và hoạt động kinh doanh, việc đảm bảo an toàn thông tin không còn là khuyến nghị mà đã trở thành yêu cầu bắt buộc.



Các yêu cầu an toàn thông tin cơ bản”. Quy chuẩn này chính thức được áp dụng cho thử nghiệm, chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy từ ngày 15/02/2025, và trở thành bắt buộc đối với mọi camera IP sản xuất trong nước cũng như nhập khẩu từ ngày 01/01/2026.

Hợp quy – thông qua việc thử nghiệm, đánh giá và chứng nhận phù hợp với QCVN 135:2024/BTTTT – đảm bảo thiết bị đáp ứng đầy đủ 11 nhóm yêu cầu kỹ thuật an toàn thông tin cốt lõi, bao gồm:

- Khởi tạo mật khẩu duy nhất và cơ chế quản lý quyền truy cập mạnh mẽ.
- Phòng chống tấn công đăng nhập trái phép (brute force, credential

Cơ chế hợp chuẩn, hợp quy chính là nền tảng pháp lý vững chắc để kiểm soát chất lượng và bảo mật của các thiết bị này, ngăn chặn rủi ro từ những “mắt thần” tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng.

Ngày 31/12/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông (nay thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) đã ban hành Thông tư 21/2024/TT-BTTTT, kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 135:2024/BTTTT về “Thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet –

stuffing...).

- Quản lý lỗ hổng bảo mật và cập nhật phần mềm an toàn, kịp thời vá lỗi.
- Bảo vệ, mã hóa dữ liệu truyền tải và lưu trữ để bảo vệ quyền riêng tư người dùng.
- Cơ chế xác thực dữ liệu, khôi phục hệ thống sau sự cố và xóa dữ liệu an toàn khi cần thiết.

Sản phẩm đạt hợp quy sẽ được gắn dấu hợp quy (CR) trên thiết bị hoặc bao bì – đây là dấu hiệu rõ ràng nhất để

người tiêu dùng nhận biết camera “sạch”, đã được cơ quan nhà nước kiểm soát và chứng nhận an toàn thông tin mạng cơ bản.

Trước khi có quy chuẩn này, thị trường camera tại Việt Nam phát triển nhanh chóng nhưng thiếu khung quản lý thống nhất. Hàng loạt sản phẩm giá rẻ, nguồn gốc không rõ ràng tràn lan, với mức bảo mật yếu kém, dễ bị khai thác. Theo số liệu từ cơ quan quản lý, Việt Nam từng có hơn 800.000 camera công khai chia sẻ hình ảnh trên mạng, trong đó khoảng 45% tồn tại lỗ hổng nghiêm trọng có nguy cơ bị chiếm quyền điều khiển. Những “mắt thần” ấy không chỉ đe dọa quyền riêng tư cá nhân (lộ hình ảnh trong nhà, phòng trẻ em, thói quen sinh hoạt) mà còn gây rủi ro cho doanh nghiệp (rò rỉ sơ đồ mặt bằng, dữ liệu vận hành, lịch trình nhân sự) và thậm chí an ninh quốc gia (bị lợi dụng cho gián điệp, theo dõi hạ tầng trọng yếu).

Với cơ chế hợp chuẩn, hợp quy theo QCVN 135:2024/BTTTT, Việt Nam đã tạo hành lang pháp lý chặt chẽ:

- Buộc doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu đầu tư nghiêm túc vào bảo mật ngay từ khâu thiết kế.
- Tăng trách nhiệm của nhà phân

phối và bán lẻ.

- Trao cho cơ quan quản lý nhà nước công cụ rõ ràng để kiểm tra, đánh giá, loại bỏ sản phẩm không đạt chuẩn.

- Bảo vệ người dùng cuối bằng cách sàng lọc thị trường, loại bỏ camera “rẻ nhưng nguy hiểm”.

Chuyên gia của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ) khuyến nghị: Khi mua camera giám sát, người dân và doanh nghiệp cần ưu tiên sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, từ nhà cung cấp uy tín, và đặc biệt kiểm tra dấu hợp quy (CR) trên thiết bị hoặc bao bì. Dấu CR chính là “giấy chứng nhận” rằng sản phẩm đã vượt qua đánh giá độc lập, đáp ứng các yêu cầu an toàn thông tin theo quy chuẩn quốc gia.

Hợp chuẩn, hợp quy không chỉ là thủ tục hành chính mà là biện pháp chiến lược bảo vệ an ninh mạng quốc gia, quyền riêng tư công dân và xây dựng một thị trường camera giám sát lành mạnh, đáng tin cậy. Từ năm 2026, chỉ những “mắt thần” đạt chuẩn mới được phép lưu thông – giúp camera thực sự trở thành công cụ bảo vệ, thay vì nguồn nguy cơ tiềm ẩn./.

()

BỘ Y TẾ SIẾT CHẶT QUẢN LÝ HÓA CHẤT TRONG CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN

Việc Bộ Y tế ban hành Thông tư 05/2026/TT-BYT với các danh mục hóa chất cấm và bắt buộc công bố thông tin không chỉ là hoạt động nghiệp vụ thuần túy, mà là một bước đi chiến lược nhằm bảo vệ người tiêu dùng trước các nguy cơ tiềm ẩn từ chế phẩm diệt côn trùng và diệt khuẩn.

Trong đời sống hiện đại, các chế phẩm diệt côn trùng và diệt khuẩn đã trở thành vật dụng không thể thiếu trong mỗi gia đình và cơ sở y tế. Tuy nhiên, ranh giới giữa tính hữu dụng và độc tính của các loại hóa chất này thường rất mong manh. Thông tư 05/2026/TT-BYT, chính thức có hiệu lực từ ngày



Acetic acid trong danh mục này không có nghĩa là chúng bị cấm, mà là yêu cầu về sự minh bạch.

Quy định này buộc các đơn vị sản xuất, nhập khẩu phải thực hiện công bố thông tin chi tiết theo Luật Hóa chất số 69/2025/QH15. Điều này mang lại hai giá trị lớn:

15/5/2026, được kỳ vọng sẽ trở thành "bộ lọc" nghiêm ngặt, thanh lọc thị trường hóa chất gia dụng tại Việt Nam.

Điểm đáng chú ý nhất trong Thông tư là danh mục 40 loại hóa chất bị cấm tuyệt đối sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn. Những cái tên như Aldrin, Chlordane, Heptachlor hay Chlorpyrifos ethyl từ lâu đã được giới khoa học cảnh báo về khả năng gây tồn dư lâu dài trong môi trường và gây hại nghiêm trọng cho hệ thần kinh, nội tiết của con người.

Việc mạnh tay loại bỏ các hoạt chất này cho thấy sự kiên quyết của Bộ Y tế trong việc cập nhật các tiêu chuẩn an toàn quốc tế. Đây là tín hiệu buộc các doanh nghiệp sản xuất phải thay đổi tư duy, từ bỏ các nguyên liệu rẻ tiền nhưng độc hại để chuyển sang các hoạt chất thế hệ mới, thân thiện hơn với sức khỏe và môi trường.

Bên cạnh danh mục cấm, Bộ Y tế cũng công bố danh sách 87 hóa chất nguy hiểm cần công bố thông tin. Việc xuất hiện các hoạt chất quen thuộc như Alpha-Cypermethrin, Bifenthrin hay

Đối với cơ quan quản lý: Dễ dàng truy xuất nguồn gốc, kiểm soát hàm lượng và xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.

Đối với người dùng: Giúp họ có đủ dữ liệu để lựa chọn sản phẩm phù hợp, đồng thời nắm rõ cách xử lý an toàn khi tiếp xúc trực tiếp với chế phẩm.

Thông tư 05 thiết lập một quy trình giám sát chặt chẽ từ địa phương đến Trung ương. Theo đó, Sở Y tế các tỉnh, thành phố đóng vai trò là "tiền đồn", có trách nhiệm báo cáo về Cục Phòng bệnh trong vòng 10 ngày khi xuất hiện các hóa chất mới chưa có trong danh mục.

Sự phối hợp này tạo ra một hệ thống phản ứng nhanh, giúp danh mục hóa chất luôn được cập nhật sát với thực tiễn sản xuất và nhập khẩu. Đồng thời, việc giao trách nhiệm tự công bố cho tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất nguy hiểm (theo Nghị định 26/2026/NĐ-CP) sẽ thúc đẩy ý thức tự giác và đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp./.

0

CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 04/2026

TIÊU CHUẨN BS

BS EN ISO 14001:2026

Environmental management systems. Requirements with guidance for use

BS EN ISO 20417:2026

Medical devices. Information to be supplied by the manufacturer

BS 7671:2018+A4:2026

Requirements for Electrical Installations. IET Wiring Regulations

BS ISO 8616:2026

Specification of monitoring technology for karst critical zones

BS IEC 62792:2026

Measurement method for the output of electroshock weapons

BS EN 18120-13:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Recyclability evaluation process for plastic packaging. Protocols for PE and PP flexible packaging

BS EN 18120-14:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Recyclability evaluation process for plastic packaging. Protocols for PS and XPS rigid packaging

BS EN 18120-12:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Recyclability evaluation process for plastic packaging. Protocols for PE and PP rigid packaging

BS EN 18120-11:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Recyclability evaluation process for plastic packaging. Protocols for PET rigid packaging (except bottles)

BS EN 18120-5:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Guideline for PET rigid packaging (except bottles)

BS EN 18120-8:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Guideline for PS and XPS rigid packaging

BS 6762-2:2026

Services for leisure accommodation vehicles and transportable accommodation units - Installation of solid fuel fired heating in new residential park homes, caravan holiday homes and transportable accommodation units. Code of practice

BS EN 18120-4:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Guideline for PET bottles

BS EN IEC 61757:2026

Fibre optic sensors. Generic specification

BS EN 18120-10:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Recyclability evaluation process for plastic packaging. Protocols for PET bottles

BS EN 18120-15:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Recyclability evaluation process for plastic packaging. Protocols for EPS packaging

BS EN 18120-3:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Evaluation processes for the sortability of plastic packaging

BS EN 18120-9:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Guideline for EPS packaging

BS EN 18120-7:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Guideline for PE and PP flexible packaging

BS EN ISO 15548-1:2026

Non-destructive testing. Equipment for eddy current examination - Instrument characteristics and verification

BS EN IEC 63522-3:2026

Electrical relays. Tests and measurements - Relay coil properties

BS EN IEC 61375-1:2026

Electronic railway equipment. Train communication network (TCN) - General architecture

BS EN IEC 63522-52:2026

Electrical relays. Tests and measurements - Coil overvoltage

BS EN 60675:1995+A12:2026

Household electric direct-acting room heaters. Methods for measuring performance

BS EN ISO 16484-6:2026

Building automation and control systems (BACS) - Data communication conformance testing

BS EN ISO 22074-

4:2024+A1:2026

Railway infrastructure. Rail fastening systems - Test methods for resistance to repeated loading

BS EN 4216:2026

Aerospace series. Steel GX5CrNiCuNb16-4 (1.4525). Homogenized, solution treated and precipitation hardened. Investment casting. De ≤ 50 mm. Rm ≥ 900 MPa

BS EN ISO 17225-5:2026

Solid biofuels. Fuel specifications and classes - Graded firewood

BS EN IEC 60115-2-

10:2026+A11:2026

Fixed resistors for use in electronic equipment - Blank detail specification: Low-power film resistors with leads for through-hole assembly on circuit boards (THT), for general electronic equipment, classification level G

BS ISO 29821:2026

Condition monitoring and diagnostics of machine systems. Ultrasound. General requirements, guidelines, procedures and validation

BS IEC 61196-1-326:2026

Coaxial communication cables - Test methods. Clamps test

BS EN 17016-2:2026

Electronic Public Procurement. Ordering - Transactions

BS ISO 24675-2:2026

Railway applications. Running time calculation for timetabling - Distance-speed diagrams and speed curves

BS EN IEC 60115-**4:2026+A11:2026**

Fixed resistors for use in electronic equipment - Sectional specification: Power resistors for through hole assembly on circuit boards (THT) or for assembly on chassis

BS EN 18168:2026

Ambient air. Biomonitoring with higher plants. Method of the standardized rye-grass exposure

BS EN 4604-010:2026

Aerospace series. Cable, electrical, for signal transmission - Cable, coaxial, light weight, 50 ohms, 200 °C, type KX (light WD). Product standard

BS EN 4604-010:2026

Aerospace series. Cable, electrical, for signal transmission - Cable, coaxial, light weight, 50

ohms, 200 °C, type KX (light WD).

Product standard

BS ISO 965-1:2026

ISO general purpose metric screw threads. Tolerances - Principles and basic data

BS EN 18120-1:2026

Packaging. Design for recycling of plastic packaging - Definitions and principles for design-for-recycling of plastic packaging

BS EN IEC 60115-**8:2026+A11:2026**

Fixed resistors for use in electronic equipment - Part 8: Sectional specification: Fixed surface mount resistors

BS EN 16615:2026 - TC

Chemical disinfectants and antiseptics. Quantitative test method for the evaluation of bactericidal and yeasticidal and/or fungicidal and/or tuberculocidal and/or mycobactericidal activity on non-porous surfaces with mechanical action employing wipes or mops in the medical area (4- field test).

Test method and requirements (phase 2, step 2)

BS EN IEC 63356-1:2026

LED light source characteristics - Data sheets

BS EN IEC 60115-**2:2026+A11:2026**

Fixed resistors for use in electronic equipment - Sectional specification: Low-power film resistors with leads for through-hole assembly on circuit boards (THT)

BS EN ISO/IEC 22123-3:2026

Information technology. Cloud computing - Reference architecture

BS EN ISO/IEC 22123-2:2026

Information technology. Cloud computing - Concepts

BS EN ISO/IEC 22123-1:2026

Information technology. Cloud computing - Vocabulary

BS EN ISO 18490:2026

Non-destructive testing. Evaluation of vision acuity of NDT personnel

BS EN 9300-100:2026

Aerospace series. LOTAR Long-Term Archiving and Retrieval of digital technical product documentation such as 3D, CAD and PDM data - Common concepts for long-term archiving and retrieval of 3D mechanical CAD information

BS EN 1287:2026

Sanitary tapware. Low pressure thermostatic mixing valves. General technical specification

BS EN ISO 1183-2:2026

Plastics. Methods for determining the density of non-cellular plastics - Density gradient column method

BS EN ISO 22367:2026

Medical laboratories. Application of risk management to medical laboratories

BS IEC 60747-16-11:2026

Semiconductor devices - Microwave integrated circuits. Power detectors

BS ISO 23792-1:2026

Intelligent transport systems. Motorway chauffeur systems (MCS) - Framework and general requirements

BS EN 60531:2000+A12:2026

Household electric thermal storage room heaters. Methods for measuring performance

BS EN 2002-002:2026

Aerospace series. Metallic materials. Test methods - Tensile testing at elevated temperature

BS EN ISO 16791:2026

Health informatics. Requirements

for international machine-readable coding of medicinal product package identifiers

BS ISO 20951:2026

Soil Quality. Guidance on methods for measuring greenhouse gases (CO₂, N₂O, CH₄) and ammonia (NH₃) fluxes between soils and the atmosphere

BS EN ISO 4042:2022+A1:2026

Fasteners — Electroplated coating systems

BS EN IEC 61400-40:2026

Wind energy generation systems - Electromagnetic compatibility (EMC). Requirements and test methods

BS EN IEC 61291-5-

2:2017+A1:2026

Optical amplifiers - Qualification specifications. Reliability qualification for optical fibre amplifiers

BS EN IEC 63041-3:2026

Piezoelectric sensors - Physical sensors

BS EN ISO 8742:2026

Fasteners. Grooved pins. One-third-length center grooves

BS EN IEC 62127-

3:2023+A1:2026

Ultrasonics. Hydrophones - Properties of hydrophones for ultrasonic fields

BS EN IEC 63545:2026

Horticultural lighting. Luminaires for horticultural lighting. Safety

BS ISO 6358-2:2019+A1:2026

Pneumatic fluid power.

Determination of flow-rate characteristics of components using compressible fluids - Alternative test methods

BS ISO 6358-1:2013+A2:2026

Pneumatic fluid power.

Determination of flow-rate characteristics of components

using compressible fluids -

General rules and test methods for steady-state flow

BS ISO 148-4:2026

Metallic materials. Charpy pendulum impact test - Testing of miniature Charpy-type V-notch test piece

BS ISO 17978-2:2026

Road vehicles. Service-oriented vehicle diagnostics (SOVD) - Use cases definition

BS EN 13126-19:2026

Building hardware. Hardware for windows and door-height windows. Requirements and test methods - Sliding closing devices

BS ISO 14306-4:2026

Industrial automation systems and integration. JT file format specification for 3D visualization - Version 3

BS EN 12541:2026

Sanitary tapware. Pressure flushing valves and automatic closing urinal valves PN 10

BS EN ISO 24966:2026

Determination of flash point.

Modified continuously closed cup flash point (MCCCFP) method

BS EN 16485:2026

Round and sawn timber.

Environmental product declarations. Product category rules for wood and wood-based products for use in construction

BS EN ISO 27799:2026

Health informatics. Information security controls in health based on ISO/IEC 27002

BS ISO 11359-3:2026

Plastics. Thermomechanical analysis (TMA) - Determination of penetration temperature

BS EN ISO 4026:2026

Fasteners. Hexagon socket set screws with flat point

BS EN ISO 16923:2026

Natural gas fuelling stations.

Compressed natural gas (CNG) stations for fuelling vehicles

BS EN ISO 2551:2026

Textile floor coverings and textile floor coverings in tile form.

Determination of dimensional changes due to the effects of varied water and heat conditions and distortion out of plane

BS ISO 6107:2021+A1:2026

Water quality. Vocabulary

BS EN 12845:2015+A2:2026

Fixed firefighting systems.

Automatic sprinkler systems.

Design, installation and maintenance

BS IEC 61196-1-305:2026

Coaxial communication cables - Mechanical test methods.

Solderability and resistance to soldering

BS ISO 26603:2026

Plastics. Aromatic isocyanates for use in the production of polyurethanes. Determination of total chlorine

BS EN 50483-6:2026

Test requirements for low voltage aerial bundled cable accessories - Environmental testing

BS EN 50483-5:2026

Test requirements for low voltage aerial bundled cable accessories - Electrical ageing test

BS EN 50483-4:2026

Test requirements for low voltage aerial bundled cable accessories - Connectors

BS EN 50483-3:2026

Test requirements for low voltage aerial bundled cable accessories - Tension and suspension clamps, fittings and brackets for neutral messenger system

BS EN 50483-2:2026

Test requirements for low voltage aerial bundled cable accessories -

Tension and suspension clamps, fittings and brackets for self-supporting system

BS EN 50483-1:2026

Test requirements for low voltage aerial bundled cable accessories - Generalities

BS ISO 25184:2026

Molecular biomarker analysis. Nucleotide sequencing. Verified next generation sequences (VNGS)

BS EN IEC 63479-2:2026

Infotainment Services for Public Vehicles (PVIS) - Requirements

BS EN 14917:2021+A1:2026

Metal bellows expansion joints for pressure applications

BS EN 18140:2026

Sustainable and smart cities and communities. Nature-based solutions (NbSs). Terminology and classification

BS EN ISO 787-5:2026

General methods of test for pigments and extenders - Determination of oil absorption value

BS ISO 21055:2026

Corrosion of metals and alloys. Test method for microbiologically influenced corrosion of oil and gas transmission pipelines

BS ISO 20256:2026

Space systems. Solar cells.

Calibration procedures

BS EN IEC 60704-2-20:2026

Household and similar electrical appliances. Test code for the determination of airborne acoustical noise - Particular requirements for wet hard floor cleaning appliances

BS EN IEC 61526:2026

Radiation protection instrumentation. Measurement of personal dose equivalents for X, gamma, neutron and beta

radiations. Active personal dosimeters

BS EN IEC 62676-6:2026

Video surveillance systems for use in security applications - Performance testing and grading of real-time intelligent video content analysis devices and systems for use in video surveillance applications

BS EN 4913:2026

Aerospace series. Use of regrinds and recycled materials in thermoplastic parts

BS ISO 20895:2026

Welded joints performance for seismic steel structures

BS EN IEC 60079-

15:2019+A11:2026

Explosive atmospheres - Equipment protection by type of protection "n"

BS EN 25197:2020+A12:2026

Small craft. Electrical/electronic control systems for steering, shift and throttle

BS EN ISO

10240:2024+A11:2026

Small craft. Owner's manual

BS ISO 17223:2026

Plastics. Determination of yellowness index and change in yellowness index

BS EN ISO 10079-

1:2022+A1:2026

Medical suction equipment - Electrically powered suction equipment. Amendment 1: Ingress of water

TIÊU CHUẨN IEC

IEC TR 60695-2-22:2026

Fire hazard testing - Part 2-22: Glowing/hot-wire based test methods - Results of the round robin tests for the development of IEC TS 60695-2-21:2023

Pages:115

IEC 60947:2026 SER

Low-voltage switchgear and controlgear - ALL PARTS

IEC 60947-6-1:2026 RLV

Low-voltage switchgear and controlgear - Part 6-1: Multiple function equipment - Transfer switching equipment

Pages:195

Replaces:IEC 60947-6-1:2021

IEC 60947-6-1:2026

Low-voltage switchgear and controlgear - Part 6-1: Multiple function equipment - Transfer switching equipment

Pages:97

Replaces:IEC 60947-6-1:2021

IEC 61267:2026 CMV

Medical diagnostic X-ray equipment - Radiation conditions for use in the determination of characteristics

Pages:89

Replaces:IEC 61267:2005

IEC 61850:2026 SER

Communication networks and systems for power utility automation - ALL PARTS

IEC TR 61850-80-5:2026

Communication networks and systems for power utility automation - Part 80-5: Guideline for mapping information between IEC 61850 and IEC 61158-15

Replaces:IEC TR 61850-80-5:2024

IEC TR 63145-400-20:2026

Eyewear display - Part 400-20: Introduction to sensing functions - 3D sensing

Pages:20

ISO/IEC 15067-5:2026

Information technology - Home Electronic System (HES) application model - Part 5: A safety framework and guidelines for control and data

communication messages

Pages:18

ISO/IEC 17024:2026

Conformity assessment - General requirements for bodies

operating certification of persons

Pages:25

Replaces:ISO/IEC 17024:2012

IEC 60079-10-2:2026 PRV

Explosive atmospheres - Part 10-2: Classification of areas -

Explosive dust atmospheres

Pages:36

Replaces:IEC 60079-10-2:2009

IEC 60245-4:2026 RLV

Rubber insulated cables - Rated voltages up to and including 450/750 V - Part 4: Cords and flexible cables

Pages:54

Replaces:IEC 60245-4:2011

IEC 60245-4:2026

Rubber insulated cables - Rated voltages up to and including 450/750 V - Part 4: Cords and flexible cables

Pages:21

Replaces:IEC 60245-4:2011

IEC 60245-8:2026 RLV

Rubber insulated cables - Rated voltages up to and including 450/750 V - Part 8: Cords for applications requiring high flexibility

Pages:23

Replaces:IEC 60245-

8:1998+AMD1:2003+AMD2:2011 CSV

IEC 60245-8:2026

Rubber insulated cables - Rated voltages up to and including 450/750 V - Part 8: Cords for applications requiring high flexibility

Pages:11

Replaces:IEC 60245-

8:1998+AMD1:2003+AMD2:2011 CSV

IEC 60310:2026 RLV

Railway applications -

Transformers and inductors on board rolling stock

Pages:163

Replaces:IEC 60310:2016/

COR1:2018

IEC 60310:2026

Railway applications -

Transformers and inductors on board rolling stock

Pages:76

Replaces:IEC 60310:2016/

COR1:2018

IEC 60335-2-2:2026 PRV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-2: Particular requirements for vacuum cleaners and water-suction cleaning appliances

Pages:39

Replaces:IEC 60335-2-

2:2009+AMD1:2012+AMD2:2016 CSV

IEC 60601-2-91:2026 PRV

Medical electrical equipment -

Part 2-91: Particular

requirements for basic safety and essential performance of non-thermal plasma wound treatment equipment

Pages:26

IEC 60622:2026 PRV

Secondary cells and batteries containing alkaline or other non-acid electrolytes - Sealed nickel-cadmium prismatic rechargeable cells and batteries for use in industrial applications

Pages:52

Replaces:IEC 60622:1988/AMD2:1992/COR1:1992

IEC 60704-2-1:2026 PRV

Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-1: Particular requirements for dry

vacuum cleaners

Pages:20

Replaces:IEC 60704-2-1:2014

IEC 60730-2-7:2026 EXV

Automatic electrical controls -

Part 2-7: Particular requirements for timers and time switches

Pages:331

Replaces:IEC 60730-2-7:2015

IEC 60730-2-7:2026

Automatic electrical controls -

Part 2-7: Particular requirements for timers and time switches

Pages:24

Replaces:IEC 60730-2-7:2015

IEC 60730-2-15:2026 EXV

Automatic electrical controls -

Part 2-15: Particular

requirements for automatic electrical air flow, water flow and water level sensing controls

Pages:339

Replaces:IEC 60730-2-15:2017

IEC 60730-2-15:2026

Automatic electrical controls -

Part 2-15: Particular

requirements for automatic electrical air flow, water flow and water level sensing controls

Pages:42

Replaces:IEC 60730-2-15:2017

IEC 60747-5-18:2026 PRV

Semiconductor devices - Part 5-

18: Optoelectronic devices - Light emitting diodes - Test method of the macro photoluminescence for epitaxial wafers of micro light emitting diodes

Pages:17

IEC 60747-16-11:2026

Semiconductor devices - Part 16-

11: Microwave integrated circuits - Power detectors

Pages:36

IEC 60940:2026 PRV

Application of capacitors, resistors, inductors and complete filter units for electromagnetic

interference suppression -
General rules and safety
requirements

Pages:27

Replaces:IEC 60940:1988/
COR1:1998

IEC 60079:2026 SER

Explosive atmospheres - ALL
PARTS

IEC 60092:2026 SER

Electrical installations in ships -
ALL PARTS

IEC 60092-504:2026 RLV

Electrical installations in ships -
Part 504: Automation, control
and instrumentation

Pages:149

Replaces:IEC 60092-504:2016

IEC 60092-504:2026 RLV

Electrical installations in ships -
Part 504: Automation, control
and instrumentation

Pages:71

Replaces:IEC 60092-504:2016

IEC 60205:2026

Calculation of the effective
parameters of magnetic piece
parts

Pages:42

Replaces:IEC 60205:2016/
COR1:2018

IEC 60127-4:2026 RLV

Miniature fuses - Part 4:
Universal modular fuse-links
(UMF) - Through-hole and
surface mount types

Pages:106

Replaces:IEC 60127-
4:2005+AMD1:2008+AMD2:2012
CSV

IEC 60127-4:2026

Miniature fuses - Part 4:
Universal modular fuse-links
(UMF) - Through-hole and
surface mount types

Pages:33

Replaces:IEC 60127-
4:2005+AMD1:2008+AMD2:2012

CSV

IEC 60335-2-2:2026 PRV

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-2:

Particular requirements for
vacuum cleaners and water-
suction cleaning appliances

Pages:39

Replaces:IEC 60335-2-
2:2009+AMD1:2012+AMD2:2016
CSV

IEC 60364-8-82:2022+

AMD1:2026 CSV

Low-voltage electrical
installations - Part 8-82:

Functional aspects - Prosumer's
low-voltage electrical
installations

Pages:376

IEC 60364-8-82:2022/

AMD1:2026

Amendment 1 - Low-voltage
electrical installations - Part 8-
82: Functional aspects -
Prosumer's low-voltage electrical
installations

Pages:19

IEC 60794-1-210:2026 PRV

Optical fibre cables - Part 1-210:
Generic specification - Basic
optical cable test procedures -
Environmental test methods -
Underwater cable resistance to
hydrostatic pressure, Method F10

Pages:13

IEC 61000-6-3:2026 RLV

Electromagnetic compatibility
(EMC) - Part 6-3: Generic
standards - Emission standard
for equipment in residential
locations

Pages:142

Replaces:IEC 61000-6-3:2020

IEC 60794-1-136:2026

Optical fibre cables - Part 1-136:
Generic specification - Basic
optical cable test procedures -
Determination of the maximum

applicable push force during
cable installation by blowing
Pages:11

IEC 60947:2026 SER

Low-voltage switchgear and
controlgear - ALL PARTS

IEC 61076-2-117:2026 PRV

Connectors for electrical and
electronic equipment - Part 2-
117: Detail specification for
shielded and unshielded, free and
fixed connectors M12 to M40 for
power, auxiliary and data
transmission with frequencies up
to 600 MHz

Pages:90

IEC 61196-1-326:2026

Coaxial communication cables -
Part 1-326: Test methods -
Clamps test

Pages:40

Replaces:

IEC 61196-1-326:2022

IEC 61300-2-2:2026 PRV

Fibre optic interconnecting
devices and passive components -
Basic test and measurement
procedures - Part 2-2: Tests -
Mating durability

Pages:8

Replaces:IEC 61300-2-2:2003/
COR1:2004

IEC 61300-2-33:2026 CMV

Fibre optic interconnecting
devices and passive components -
Basic test and measurement
procedures - Part 2-33: Tests -
Assembly and disassembly of
fibre optic mechanical splices,
fibre management systems,
protective housings and
hardened connectors

Pages:23

Replaces:IEC 61300-2-33:2012

IEC 61300-2-33:2026

Fibre optic interconnecting
devices and passive components -
Basic test and measurement

procedures - Part 2-33: Tests - Assembly and disassembly of fibre optic mechanical splices, fibre management systems, protective housings and hardened connectors
Pages:10
Replaces:IEC 61300-2-33:2012
IEC 61753-022-02:2026
Fibre optic interconnecting devices and passive components - Performance standard - Part 022-02: Multimode fibre optic connectors terminated as pigtails and patchcords for category C - Controlled environment
Pages:17
IEC 60364-8-82:2022+A MD1:2026 CSV
Low-voltage electrical installations - Part 8-82: Functional aspects - Prosumer's low-voltage electrical installations
Pages:376
IEC 61753-022-13:2026
Fibre optic interconnecting devices and passive components - Performance standard - Part 022-13: Multimode fibre optic connectors terminated as pigtails and patchcords for category OP+ HD - Extended outdoor protected environment with additional heat dissipation
Pages:16
IEC 61754-2:2026
Fibre optic interconnecting devices and passive components - Fibre optic connector interfaces - Part 2: Type BFOC/2,5 connector family
Pages:11
Replaces:IEC 61754-2:1996
IEC 61851-23-3:2026 PRV
Electric vehicle conductive charging system - Part 23-3: DC electric vehicle supply equipment

- Megawatt charging systems
Pages:146
IEC 62024-3:2026 PRV
High frequency inductive components - Electrical characteristics and measuring methods - Part 3: AC loss measured by sinusoidal wave of inductors for DC-to-DC converters
Pages:17
IEC 62541-9:2026 RLV
OPC unified architecture - Part 9: Alarms and Conditions
Pages:337
Replaces:IEC 62541-9:2020
IEC 62541-9:2026
OPC unified architecture - Part 9: Alarms and Conditions
Pages:160
Replaces:IEC 62541-9:2020
IEC 62715-6-42:2026 PRV
Flexible displays - Part 6-42: Mechanical test methods - Flattening force of rollable display devices
Pages:14
IEC 62792:2026 CMV
Measurement method for the output of electroshock weapons
Pages:87
Replaces:IEC 62792:2015
IEC 62792:2026
Measurement method for the output of electroshock weapons
Pages:41
Replaces:IEC 62792:2015
IEC TS 63222-4:2026
Power quality management - Part 4: Harmonic analysis on public electric power network
Pages:50
IEC TS 63264:2026
Composite insulators with integrated optical fibres for AC voltages greater than 1 000 V and DC voltage greater than 1 500 V - Definitions, tests methods and

acceptance criteria
Pages:25
IEC SRD 63347-2:2026
Smart city use case collection and analysis - Managing public health emergencies in smart cities - Part 2 : Use case analysis
Pages:32
ISO 80601-2-61:2026
Medical electrical equipment - Part 2-61: Particular requirements for basic safety and essential performance of pulse oximeter equipment
Pages:150
Replaces:ISO 80601-2-61:2017
ISO 80601-2-67:2026
Medical electrical equipment - Part 2-67: Particular requirements for basic safety and essential performance of oxygen-conserving equipment
Pages:59
Replaces:ISO 80601-2-67:2020
ISO 80601-2-69:2026
Medical electrical equipment - Part 2-69: Particular requirements for the basic safety and essential performance of oxygen concentrator equipment
Pages:68
Replaces:ISO 80601-2-69:2020
ISO 80601-2-74:2026
Medical electrical equipment - Part 2-74: Particular requirements for basic safety and essential performance of respiratory humidifying equipment
Pages:113
Replaces:ISO 80601-2-74:2021
ISO 80601-2-90:2026
Medical electrical equipment - Part 2-90: Particular requirements for basic safety and essential performance of respiratory high-flow therapy equipment

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Pages:109 Replaces:ISO 80601-2-90:2021 ISO/IEC 14496-12:2026 Information technology - Coding of audio-visual objects - Part 12: ISO base media file format Pages:285 Replaces:ISO/IEC 14496-12:2022 ISO/IEC 18181-2:2026 Information technology - JPEG XL image coding system - Part 2: File format Pages:19 Replaces:ISO/IEC 18181-2:2024 ISO/IEC TS 19770-13:2026 Information technology - IT asset management - Part 13: Guidance on the incorporation of sustainability aspects in an IT asset management system Pages:51 ISO/IEC TS 23220-2:2026 Cards and security devices for personal identification - Building blocks for identity management via mobile devices - Part 2: Data objects and encoding rules for generic eID systems Pages:26 Replaces:ISO/IEC TS 23220-2:2024 ISO/IEC TS 23220-4:2026 Cards and security devices for personal identification - Building blocks for identity management via mobile devices - Part 4: Protocols and services for operational phase Pages:104 ISO/IEC 30178:2026 PRV Information technology - Internet of Things (IoT) - Data format, value and coding for interoperability Pages:60 ISO/IEC 30188:2026 PRV Digital twin - Reference architecture	Pages:36 ISO/IEC 17020:2026 Conformity assessment - Requirements for bodies performing inspection Pages:23 Replaces:ISO/IEC 17020:2012 IEC TS 63529:2026 DC side harmonics & filtering in HVDC transmission systems Pages:270 IEC/IEEE TR 63572:2026 Evaluation of absorbed power density related to human exposure to radio frequency fields from wireless communication devices operating between 6 GHz and 300 GHz Pages:109 IEC TS 63573:2026 Technical requirements for electrical sheet metal and strip metal used in rotating electrical machines Pages:35 IEC 63316:2026 Audio/video, information and communication technology equipment – Safety – Power transfer between communication equipment ports using communication wires and cables cabling at non-mains voltage above 60 V DC and ES2/ES3 AC voltage Pages:33 IEC 63369-1:2026 Carbon footprint calculation applicable to industrial lithium-ion batteries - Part 1: General requirements and methodology Pages:55 IEC 63402-2-2:2026 PRV Energy efficiency - Customer energy management system - Part 2-2: Data model and messaging - Interface between	the customer energy manager and resource managers Pages:103 IEC 63458-1:2026 High pressure water jet machines - Safety - Part 1: High pressure water jet units Pages:35 IEC 63458-2:2026 High pressure water jet machines - Safety - Part 2: High pressure hoses, hose lines and connectors Pages:12 IEC 63458-3:2026 High pressure water jet machines - Safety - Part 3: High pressure spraying devices Pages:29 IEC 63506:2026 PRV Calibration of the prompt fission neutron logging tool Pages:10 IEC 63508:2026 CDD database - Circuit-breakers and similar equipment for household use Pages:32 IEC 63522-41:2026 Electrical relays - Tests and measurements - Part 41: Tests and measurement procedures - Insulation coordination Pages:31 IEC 62715-6-22:2026 PRV Flexible displays - Part 6-22: Mechanical test methods - Crease and waviness measurement methods for foldable displays Pages:29 Replaces:IEC 62715-6-22:2023 IEC TS 62749:2026 RLV Assessment of power quality - Characteristics of electricity supplied by public networks Pages:125 Replaces:IEC TS 62749:2020 IEC TS 62749:2026 Assessment of power quality -
--	--	--

Characteristics of electricity
supplied by public networks
Pages:60

Replaces:IEC TS 62749:2020

IEC 62820-1-1:2026 RLV

Building intercom systems - Part
1-1: System requirements -
General

Pages:85

Replaces:IEC 62820-1-1:2016

IEC 62820-1-1:2026

Building intercom systems - Part
1-1: System requirements -
General

Pages:42

Replaces:IEC 62820-1-1:2016

IEC 62841-3-17:2026 PRV

Electric motor-operated hand-
held tools, transportable tools
and lawn and garden machinery -
Safety - Part 3-17: Particular
requirements for transportable
table masonry saws

Pages:32

IEC 61000-6-3:2026

Electromagnetic compatibility
(EMC) - Part 6-3: Generic
standards - Emission standard
for equipment in residential
locations

Pages:70

Replaces:IEC 61000-6-3:2020

IEC TS 63222-1:2026 RLV

Power quality management - Part
1: General guidelines

Pages:244

Replaces:IEC TS 63222-1:2021

IEC TS 63222-1:2026

Power quality management - Part
1: General guidelines

Pages:116

Replaces:IEC TS 63222-1:2021

IEC 61753-042-02:2026 PRV

Fibre optic interconnecting
devices and passive components
- Performance standard - Part
042-02: Plug-pigtail-style and
plug-receptacle-style OTDR

reflecting devices for category C -
Controlled environments

Pages:16

IEC 61760-1:2026 PRV

Surface mounting technology -
Part 1: Standard method for the
specification of surface mounting
components (SMDs)

Pages:50

Replaces:IEC 61760-1:2006

IEC 61850:2026 SER

Communication networks and
systems for power utility
automation - ALL PARTS

IEC 61196-1-305:2026

Coaxial communication cables -
Part 1-305: Mechanical test
methods - Solderability and
resistance to soldering

Pages:7

Replaces:IEC 61196-1-305:2015

IEC 62259:2026 PRV

Secondary cells and batteries
containing alkaline or other non-
acid electrolytes - Nickel-
cadmium prismatic rechargeable
cells with partial gas
recombination and batteries for
use in industrial applications

Pages:50

Replaces:IEC 62259:2003

IEC 62321-13:2026 PRV

Determination of certain
substances in electrotechnical
products - Part 13: Bisphenol A in
plastics by liquid

chromatography-diode array
detector (LC-DAD), liquid
chromatography-mass
spectrometry (LC-MS) and liquid
chromatography-tandem mass
spectrometry (LC-MS/MS)

Pages:30

IEC 62541-9:2026 RLV

OPC unified architecture - Part 9:
Alarms and Conditions

Pages:337

Replaces:IEC 62541-9:2020

IEC 62541-9:2026

OPC unified architecture - Part 9:
Alarms and Conditions

Pages:160

Replaces:IEC 62541-9:2020

IEC 61298-3:2026 PRV

Process measurement and
control devices - General
methods and procedures for
evaluating performance - Part 3:
Tests for the effects of influence
quantities

Pages:24

Replaces:IEC 61298-3:1998

IEC 61300-3-30:2026 PRV

Fibre optic interconnecting
devices and passive components -
Basic test and measurement
procedures - Part 3-30:
Examinations and measurements
- Endface geometry of
rectangular ferrule

Pages:21

Replaces:IEC 61300-3-30:2003

IEC 61514-2:2026 PRV

Industrial process control
systems - Methods of evaluating
the performance of valve
positioners with pneumatic
outputs - Part 2: Test Methods for
intelligent positioners mounted
on an actuator valve assembly

Pages:40

Replaces:IEC 61514-2:2004

IEC 61753-022-02:2026

Fibre optic interconnecting
devices and passive components -
Performance standard - Part 022-
02: Multimode fibre optic
connectors terminated as pigtails
and patchcords for category C -
Controlled environment

Pages:17

IEC 62264-2:2026

Enterprise-control system
integration
Part 2: Objects and attributes for
enterprise-control system

integration
Pages:459
Replaces:IEC 62264-2:2015
IEC/TR 61400-4-2:2026
Wind energy generation systems
Part 4-2: Lubrication of drivetrain components in wind turbines
Pages:47
IEC/TS 61400-4-1:2026
Wind energy generation systems
Part 4-1: Reliability assessment of drivetrain components in wind turbines
Pages:35

TIÊU CHUẨN ISO

ISO 10079-1:2022/Amd 1:2026
Medical suction equipment — Part 1: Electrically powered suction equipment
Amendment 1: Ingress of water
Pages:1
ISO 10322:2026
Ophthalmic optics — Semi-finished blanks
Pages:16
Replaces:ISO 10322-1:2016; ISO 10322-2:2016
ISO 1043-4:2021/Amd 1:2026
Plastics — Symbols and abbreviated terms — Part 4: Flame retardants
Amendment 1: New code numbers for flame retardants
Pages:1
ISO 10451:2026
Dentistry — Contents of a technical file for dental implant systems
Pages:12
Replaces:ISO 10451:2010
ISO 10993-6:2026
Biological evaluation of medical devices
Part 6: Tests for local effects after implantation

Pages:41
Replaces:ISO 10993-6:2016
ISO 11359-3:2026
Plastics — Thermomechanical analysis (TMA)
Part 3: Determination of penetration temperature
Pages:5
Replaces:ISO 11359-3:2019
ISO 11608-3:2022/Amd 1:2026
Needle-based injection systems for medical use — Requirements and test methods — Part 3: Containers and integrated fluid paths
Amendment 1
Pages:5
ISO 11783-3:2026
Tractors and machinery for agriculture and forestry — Serial control and communications data network
Part 3: Application layer, transport layer and network layer
Pages:55
Replaces:ISO 11783-3:2018
ISO 11785:2026
Radio frequency identification of animals — Technical concept
Pages:15
Replaces:ISO 11785:1996
ISO 1183-2:2026
Plastics — Methods for determining the density of non-cellular plastics
Part 2: Density gradient column method
Pages:11
Replaces:ISO 1183-2:2019
ISO 11999-10:2026
PPE for firefighters — Test methods and requirements for PPE used by firefighters who are at risk of exposure to high levels of heat and/or flame while fighting fires in structures

Part 10: Respiratory protective devices (RPD)
Pages:3
ISO 12312-1:2022/Amd 1:2026
Eye and face protection — Sunglasses and related eyewear — Part 1: Sunglasses for general use
Amendment 1
Pages:7
ISO 13503-9:2026
Oil and gas industries including lower carbon energy — Completion fluids and materials
Part 9: Methods for evaluating performance of acidizing fluids
Pages:36
ISO 13726:2026
Hydraulic fluid power — Single rod cylinders, 16 MPa (160 bar) compact series with bores from 250 mm to 500 mm — Accessory mounting dimensions
Pages:8
Replaces:ISO 13726:2008
ISO 13977-1:2026
Workplace air — Assessment of dermal exposure
Part 1: Framework for dermal exposure assessment
Pages:38
ISO 14001:2026
Environmental management systems — Requirements with guidance for use
Pages:36
Replaces:ISO 14001:2015
ISO 14306-4:2026
Industrial automation systems and integration — JT file format specification for 3D visualization
Part 4: Version 3
Pages:479
Replaces:ISO 14306:2017
ISO 148-4:2026
Metallic materials — Charpy pendulum impact test
Part 4: Testing of miniature

Charpy-type V-notch test pieces
Pages:8

ISO 15027-1:2026

Immersion suits
Part 1: Safety and performance
requirements for constant wear
suits

Pages:19

Replaces:ISO 15027-1:2012

ISO 15027-3:2026

Immersion suits

Part 3: Test methods

Pages:42

Replaces:ISO 15027-3:2012

ISO 15548-1:2026

Non-destructive testing —
Equipment for eddy current
examination

Part 1: Instrument characteristics
and verification

Pages:33

Replaces:ISO 15548-1:2013

ISO 17223:2026

Plastics — Determination of
yellowness index and change in
yellowness index

Pages:10

Replaces:ISO 17223:2014

ISO 17225-5:2026

Solid biofuels — Fuel
specifications and classes

Part 5: Graded firewood

Pages:11

Replaces:ISO 17225-5:2021

ISO 17978-2:2026

Road vehicles — Service-oriented
vehicle diagnostics (SOVD)

Part 2: Use cases definition

Pages:16

ISO 18490:2026

Non-destructive testing —
Evaluation of vision acuity of
NDT personnel

Pages:18

Replaces:ISO 18490:2015

ISO 19659-4:2026

Railway applications — Heating,
ventilation and air conditioning

systems for rolling stock

Part 4: Design parameters, and
test and inspection items for the
HVAC unit

Pages:68

ISO 19870-1:2026

Hydrogen technologies —
Methodology for determining the
greenhouse gas emissions
associated with the hydrogen
supply chain

Part 1: Emissions associated with
the production of hydrogen up to
the production gate

Pages:126

ISO 20022-1:2026

Financial services — Universal
financial industry message
scheme

Part 1: Metamodel

Pages:154

Replaces:ISO 20022-1:2013

ISO 20022-3:2026

Financial services — Universal
financial industry message
scheme

Part 3: Modelling

Pages:27

Replaces:ISO 20022-3:2013

ISO 20022-4:2026

Financial services — Universal
financial industry message
scheme

Part 4: XML Schema generation

Pages:28

Replaces:ISO 20022-4:2013

ISO 20022-5:2026

Financial services — Universal
financial industry message
scheme

Part 5: Conceptual
interoperability and reverse
engineering

Pages:39

Replaces:ISO 20022-5:2013

ISO 20022-7:2026

Financial services — Universal
financial industry message

scheme

Part 7: Registration

Pages:6

Replaces:ISO 20022-7:2013

ISO 20022-8:2026

Financial services — Universal
financial industry message
scheme

Part 8: ASN.1 generation

Pages:20

Replaces:ISO 20022-8:2013

ISO 20022-9:2026

Financial services — Universal
financial industry message
scheme

Part 9: Syntax generation
requirements and rules

Pages:25

ISO 20256:2026

Space systems — Solar cells —
Calibration procedures

Pages:102

ISO 20364:2026

Healthcare organization
management — Pandemic
response — Requirements for
surging diagnostic demand

Pages:15

ISO 20895:2026

Welded joints performance for
seismic steel structures

Pages:30

ISO 20951:2026

Soil quality — Guidance on
methods for measuring
greenhouse gases (CO₂, N₂O,
CH₄) and ammonia (NH₃) fluxes
between soils and the
atmosphere

Pages:37

Replaces:ISO 20951:2019

ISO 21055:2026

Corrosion of metals and alloys —
Test method for microbiologically
influenced corrosion of oil and
gas transmission pipelines

Pages:19

ISO 22074-4:2022/Amd 1:2026

Railway infrastructure — Rail fastening systems — Part 4: Test methods for resistance to repeated loading Amendment 1
Pages:1

ISO 22367:2026

Medical laboratories — Application of risk management to medical laboratories
Pages:83

Replaces:ISO 22367:2020

ISO 23792-1:2026

Intelligent transport systems — Motorway chauffeur systems (MCS)

Part 1: Framework and general requirements

Pages:38

Replaces:ISO/TS 23792-1:2023

ISO 24675-2:2026

Railway applications — Running time calculation for timetabling
Part 2: Distance-speed diagrams and speed curves
Pages:23

ISO 24825:2026

Traditional Chinese medicine — General principles for the establishment of herbal reference substances

Pages:8

ISO 24966:2026

Determination of flash point — Modified continuously closed cup flash point (MCCCFP) method
Pages:16

ISO 25184:2026

Molecular biomarker analysis — Nucleotide sequencing — Verified next generation sequences (VNGS)
Pages:15

ISO 26603:2026

Plastics — Aromatic isocyanates for use in the production of polyurethanes — Determination of total chlorine
Pages:12

Replaces:ISO 26603:2017

ISO 29821:2026

Condition monitoring and diagnostics of machine systems — Ultrasound — General requirements, guidelines, procedures and validation
Pages:22

Replaces:ISO 29821:2018

ISO 29904:2013/Amd 1:2026

Fire chemistry — Generation and measurement of aerosols
Amendment 1
Pages:1

ISO 4042:2022/Amd 1:2026

Fasteners — Electroplated coating systems
Amendment 1
Pages:1

ISO 50100:2026

Energy management systems and energy savings — Decarbonization — Requirements with guidance for use
Pages:40

ISO 6107:2021

Water quality — Vocabulary
Pages:63

ISO 6358-1:2013/Amd 2:2026

Pneumatic fluid power — Determination of flow-rate characteristics of components using compressible fluids — Part 1: General rules and test methods for steady-state flow
Amendment 2: Evaluation of measurement uncertainty
Pages:6

ISO 6358-2:2019/Amd 1:2026

Pneumatic fluid power — Determination of flow-rate characteristics of components using compressible fluids — Part 2: Alternative test methods
Amendment 1: Evaluation of measurement uncertainty
Pages:8

ISO 7729:2026

Typical vertical joints between two prefabricated ordinary concrete external wall components — Properties, characteristics and classification criteria
Pages:11

Replaces:ISO 7729:1985

ISO 787-5:2026

General methods of test for pigments and extenders
Part 5: Determination of oil absorption value
Pages:5

Replaces:ISO 787-5:1980

ISO 80601-2-61:2026

Medical electrical equipment
Part 2-61: Particular requirements for basic safety and essential performance of pulse oximeter equipment
Pages:150

Replaces:ISO 80601-2-61:2017

ISO 80601-2-67:2026

Medical electrical equipment
Part 2-67: Particular requirements for basic safety and essential performance of oxygen-conserving equipment
Pages:59

Replaces:ISO 80601-2-67:2020

ISO 80601-2-69:2026

Medical electrical equipment
Part 2-69: Particular requirements for the basic safety and essential performance of oxygen concentrator equipment
Pages:68

Replaces:ISO 80601-2-69:2020

ISO 80601-2-74:2026

Medical electrical equipment
Part 2-74: Particular requirements for basic safety and essential performance of respiratory humidifying equipment
Pages:113

Replaces:ISO 80601-2-74:2021

ISO 80601-2-90:2026

Medical electrical equipment
Part 2-90: Particular
requirements for basic safety and
essential performance of
respiratory high-flow therapy
equipment

Pages:109

Replaces:ISO 80601-2-90:2021

ISO 8100-1:2026

Lifts for the transport of persons
and goods

Part 1: Safety rules for the
construction and installation of
passenger and goods passenger
lifts

Pages:191

Replaces:ISO 8100-1:2019

ISO 8100-2:2026

Lifts for the transport of persons
and goods

Part 2: Design rules, calculations,
verifications and tests of lift
components

Pages:110

Replaces:ISO 8100-2:2019

ISO 8437-1:2019/Amd 1:2026

Snow throwers — Safety
requirements and test
procedures — Part 1:
Terminology and common tests
Amendment 1: Scope clarification
Pages:1

ISO 8437-2:2019/Amd 1:2026

Snow throwers — Safety
requirements and test
procedures — Part 2: Pedestrian-
controlled snow throwers
Amendment 1

Pages:1

ISO 8437-3:2019/Amd 1:2026

Snow throwers — Safety
requirements and test
procedures — Part 3: Ride-on
snow throwers
Amendment 1

Pages:2

ISO 8437-4:2019/Amd 1:2026

Snow throwers — Safety
requirements and test
procedures — Part 4: Additional
national and regional
requirements Amendment 1
Pages:2

ISO 8616:2026

Specification of monitoring
technology for karst critical
zones

Pages:14

ISO 8742:2026

Fasteners — Grooved pins —
One-third-length center grooves

Pages:8

ISO 9092:2026

Nonwovens — Vocabulary

Pages:3

Replaces:ISO 9092:2019

ISO 965-1:2026

ISO general purpose metric
screw threads — Tolerances
Part 1: Principles and basic data
Pages:21

Replaces:ISO 965-1:2013/Amd
1:2021

ISO 9877:2026 | IDF 258:2026

Milk and milk products —
Determination of ash
Pages:8

ISO/IEC 15067-5:2026

Information technology — Home
Electronic System (HES)
application model

Part 5: A safety framework and
guidelines for control and data
communication messages

Pages:18

ISO/IEC 17020:2026

Conformity assessment —
Requirements for bodies
performing inspection
Pages:23

Replaces:ISO/IEC 17020:2012

ISO/IEC 17024:2026

Conformity assessment —
General requirements for bodies

operating certification of persons
Pages:25

Replaces:ISO/IEC 17024:2012

ISO/IEC 18181-2:2026

Information technology — JPEG
XL image coding system
Part 2: File format

Pages:19

Replaces:ISO/IEC 18181-2:2024

ISO/IEC TS 19770-13:2026

Information technology — IT
asset management
Part 13: Guidance on the
incorporation of sustainability
aspects in an IT asset
management system
Pages:51

ISO/IEC TS 23220-2:2026

Cards and security devices for
personal identification —
Building blocks for identity
management via mobile devices
Part 2: Data objects and encoding
rules for generic eID systems
Pages:26

Replaces:ISO/IEC TS 23220-
2:2024

ISO/IEC TS 23220-4:2026

Cards and security devices for
personal identification —
Building blocks for identity
management via mobile devices
Part 4: Protocols and services for
operational phase
Pages:104

ISO/TR 20470-1:2026

New weatherable topcoats as
part of an associated protective
coating system
Part 1: Weathering of FEVE type
fluoropolymer topcoat
Pages:17

ISO/TS 17536-2:2026

Road vehicles — Aerosol
separator performance test for
internal combustion engines
Part 2: Laboratory test method
Pages:22

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Replaces:ISO/TS 17536-2:2017
ISO/TS 21405:2026

Health informatics —
Identification of medicinal
products — Methodology and
framework for the development
and representation of IDMP
ontology
Pages:32

ISO/TS 5341:2026

Nanotechnologies —
Nomenclature — General
Pages:15

TIÊU CHUẨN ASTM

ASTM A1008/A1008M-26

Standard Specification for Steel,
Sheet, Cold-Rolled, Carbon,
Structural, High-Strength Low-
Alloy, High-Strength Low-Alloy
with Improved Formability,
Required Hardness, Solution
Hardened, and Bake Hardenable
Pages:11

Replaces:ASTM A1008/A1008M-
25

ASTM A1021/A1021M-26

Standard Specification for
Martensitic Stainless Steel
Forgings and Forging Stock for
High-Temperature Service
Pages:5

Replaces:ASTM A1021/A1021M-
20(2025)

ASTM A290/A290M-26

Standard Specification for Carbon
and Alloy Steel Forgings for Rings
for Reduction Gears
Pages:4

Replaces:ASTM A290/A290M-
16(2021)

ASTM A291/A291M-26

Standard Specification for Steel
Forgings, Carbon and Alloy, for
Pinions, Gears and Shafts for
Reduction Gears
Pages:5

Replaces:ASTM A291/A291M-
19(2025)

ASTM A335/A335M-26

Standard Specification for
Seamless Ferritic Alloy-Steel Pipe
for High-Temperature Service
Pages:11

Replaces:ASTM A335/A335M-
24b

ASTM A941-26a

Standard Terminology Relating to
Steel, Stainless Steel, Related
Alloys, and Ferroalloys
Pages:10

Replaces:ASTM A941-26

ASTM C125/C125M-26a

Standard Terminology Relating to
Concrete and Concrete
Aggregates
Pages:10

Replaces:ASTM C125-00

ASTM C94/C94M-26a

Standard Specification for Ready-
Mixed Concrete
Pages:16

Replaces:ASTM C94/C94M-26

ASTM D1937-26

Standard Test Method for Carbon
Black, Pelleted—Mass Strength
Pages:3

Replaces:ASTM D1937-23

ASTM D2737-26

Standard Specification for
Polyethylene (PE) Plastic Tubing
Pages:7

Replaces:ASTM D2737-25

ASTM D2896-26

Standard Test Method for Base
Number of Petroleum Products
by Potentiometric Perchloric Acid
Titration
Pages:10

Replaces:ASTM D2896-21

ASTM D396-26a

Standard Specification for Fuel
Oils
Pages:13
Replaces:ASTM D396-26

ASTM D4340-26

Standard Test Method for
Corrosion of Cast Aluminum
Alloys in Engine Coolants Under
Heat-Rejecting Conditions
Pages:4

Replaces:ASTM D4340-19

ASTM D4765-26

Standard Test Method for
Measurement of Fluorides in
Workplace Atmospheres by Ion-
Selective Electrodes
Pages:4

Replaces:ASTM D4765-13(2018)

ASTM D5185-26

Standard Test Method for
Multielement Determination of
Used and Unused Lubricating Oils
and Base Oils by Inductively
Coupled Plasma Atomic Emission
Spectrometry (ICP-AES)
Pages:9

Replaces:ASTM D5185-18

ASTM D5746-26

Standard Classification of
Environmental Condition of
Property Area Types, Including
Explosives Safety for Federally-
Owned Real Property
Pages:14

Replaces:ASTM D5746-24

ASTM D6008-26

Standard Practice for
Determining the Environmental
Condition of Federal Property
Pages:50

Replaces:ASTM D6008-24

ASTM D7034-26

Standard Guide for Deriving
Acceptable Levels of Airborne
Chemical Contaminants in
Aircraft Cabins Based on Health
and Comfort Considerations
Pages:10

Replaces:ASTM D7034-18

ASTM D7171-26

Standard Test Method for
Hydrogen Content of Middle

Distillate Petroleum Products by Low-Resolution Pulsed Nuclear Magnetic Resonance Spectroscopy

Pages:6

Replaces:ASTM D7171-20

ASTM D7224-26

Standard Test Method for Determining Water Separation Characteristics of Kerosine-Type Aviation Turbine Fuels Containing Additives by Portable Separometer

Pages:16

Replaces:ASTM D7224-23

ASTM D7279-26

Standard Test Method for Kinematic Viscosity of Transparent and Opaque Liquids by Automated Houillon Viscometer

Pages:9

Replaces:ASTM D7279-25

ASTM D7296-26

Standard Practice for Collection of Settled Dust Samples Using Dry Wipe Sampling Methods for Subsequent Determination of Beryllium and Compounds

Pages:5

Replaces:ASTM D7296-18

ASTM D7522/D7522M-26

Standard Test Method for Pull-Off Strength for FRP Laminate Systems Bonded to Concrete or Masonry Substrates

Pages:6

Replaces:ASTM D7522/D7522M-21

ASTM D7740-26

Standard Practice for Optimization, Calibration, and Validation of Atomic Absorption Spectrometry for Metal Analysis of Petroleum Products and Lubricants

Pages:10

Replaces:ASTM D7740-20

ASTM A1061/A1061M-26

Standard Test Methods for Testing Multi-Wire Steel Prestressing Strand

Pages:5

Replaces:ASTM A1061/A1061M-20ae1

ASTM A240/A240M-26

Standard Specification for Chromium and Chromium-Nickel Stainless Steel Plate, Sheet, and Strip for Pressure Vessels and for General Applications

Pages:12

Replaces:ASTM A240/A240M-25a

ASTM A388/A388M-26

Standard Practice for Ultrasonic Examination of Steel Forgings

Pages:9

Replaces:ASTM A388/A388M-23

ASTM A416/A416M-26

Standard Specification for Low-Relaxation, Seven-Wire Steel Strand for Prestressed Concrete

Pages:4

Replaces:ASTM A416/A416M-24

ASTM B165-26

Standard Specification for Nickel-Copper Alloy Seamless Pipe and Tube

Pages:6

Replaces:ASTM B165-19

ASTM B626-26

Standard Specification for Welded Nickel and Nickel-Cobalt Alloy Tube

Pages:5

Replaces:ASTM B626-19

ASTM B637-26

Standard Specification for Precipitation-Hardening and Cold Worked Nickel Alloy Bars, Forgings, and Forging Stock for Moderate or High Temperature Service

Pages:7

Replaces:ASTM B637-25

ASTM B649-26

Standard Specification for Ni-Fe-Cr-Mo-Cu-N Low-Carbon Alloy and Cr-Ni-Fe-N Low-Carbon Alloy Bar and Wire, Ni-Cr-Fe-Mo-N Alloy Wire, and Ni-Fe-Cr-Mo-N Alloy Bar

Pages:6

Replaces:ASTM B649-21

ASTM B863-26

Standard Specification for Titanium and Titanium Alloy Wire

Pages:7

Replaces:ASTM B863-23

ASTM D1176-14(2026)

Standard Practice for Sampling and Preparing Aqueous Solutions of Engine Coolants or Antirusts for Testing Purposes

Pages:3

Replaces:ASTM D1176-14(2019)

ASTM D1357-26

Standard Practice for Planning the Sampling of the Ambient Atmosphere

Pages:4

Replaces:ASTM D1357-95(2019)

ASTM D2649-26

Standard Test Method for Corrosion Characteristics of Solid Film Lubricants

Pages:3

Replaces:ASTM D2649-20a

ASTM D3050-26

Standard Guide for Measuring Soil Removal from Artificially Soiled Fabrics (Not Suitable for Detergent Ranking)

Pages:3

Replaces:ASTM D3050-07(2024)

ASTM D3525-20(2026)e1

Standard Test Method for Gasoline Fuel Dilution in Used Gasoline Engine Oils by Wide-Bore Capillary Gas Chromatography

Pages:6

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Replaces:ASTM D3525-20
ASTM D4008-26
Standard Guide for Measuring
Anti-Soil Deposition Properties of
Laundry Detergents
Pages:4
Replaces:ASTM D4008-19(2024)
ASTM D4222-26
Standard Test Method for
Determination of Nitrogen
Adsorption and Desorption
Isotherms of Catalysts and
Catalyst Carriers by Static
Volumetric Measurements
Pages:6
Replaces:ASTM D4222-20
ASTM D7205/D7205M-26
Standard Test Method for Tensile
Properties of Fiber Reinforced
Polymer Matrix Composite Bars
Pages:13
Replaces:ASTM D7205/D7205M-
21
ASTM D8353-26
Standard Guide for
Determination of Individual
Particle Strength of Low Surface
Area Catalysts and Catalyst
Carriers by Drop Test onto a Steel
Plate
Pages:4
Replaces:ASTM D8353-20
ASTM E196-06(2026)
Standard Practice for Gravity
Load Testing of Floors and Low
Slope Roofs
Pages:3
Replaces:ASTM E196-06(2018)
ASTM F588-26
Standard Test Methods for
Measuring the Forced Entry
Resistance of Window
Assemblies, Excluding Glazing
Impact
Pages:16
Replaces:ASTM F588-17(2023)
ASTM A1094/A1094M-26
Standard Specification for

Continuous Hot-Dip Galvanized
Steel Bars for Concrete
Reinforcement
Pages:5
Replaces:ASTM A1094/A1094M-
20
ASTM A111-99a(2026)
Standard Specification for Zinc-
Coated (Galvanized) "Iron"
Telephone and Telegraph Line
Wire
Pages:3
Replaces:ASTM A111-99a(2020)
ASTM A390-06(2026)
Standard Specification for Zinc-
Coated (Galvanized) Steel Poultry
Fence Fabric (Hexagonal and
Straight Line)
Pages:4
Replaces:ASTM A390-06(2021)
ASTM A709/A709M-26
Standard Specification for
Structural Steel for Bridges
Pages:9
Replaces:ASTM A709/A709M-24
ASTM A740-21(2026)
Standard Specification for
Hardware Cloth (Woven or
Welded Galvanized Steel Wire
Fabric)
Pages:4
Replaces:ASTM A740-21
ASTM A764-07(2026)
Standard Specification for
Metallic Coated Carbon Steel
Wire, Coated at Size and Drawn
to Size for Mechanical Springs
Pages:5
Replaces:ASTM A764-07(2021)
ASTM A810-01(2026)
Standard Specification for Zinc-
Coated (Galvanized) Steel Pipe
Winding Mesh
Pages:5
Replaces:ASTM A810-01(2019)
ASTM A818-06(2026)
Standard Specification for
Coppered Carbon Steel Wire

Pages:3
Replaces:ASTM A818-06(2021)
ASTM A930-09(2026)
Standard Practice for Life-Cycle
Cost Analysis of Corrugated Metal
Pipe Used for Culverts, Storm
Sewers, and Other Buried
Conduits
Pages:5
Replaces:ASTM A930-09(2014)
ASTM B327-21(2026)
Standard Specification for Master
Alloys Used in Making Zinc Die
Casting Alloys
Pages:4
Replaces:ASTM B327-21
ASTM B350/B350M-11(2026)
Standard Specification for
Zirconium and Zirconium Alloy
Ingots for Nuclear Application
Pages:3
Replaces:ASTM B350/B350M-
11(2021)
ASTM B551/B551M-26
Standard Specification for
Zirconium and Zirconium Alloy
Strip, Sheet, and Plate
Abstract
Pages:10
Replaces:ASTM B551/B551M-
12(2021)
ASTM B636/B636M-15(2026)
Standard Test Method for
Measurement of Internal Stress
of Plated Metallic Coatings with
the Spiral Contractometer
Pages:5
Replaces:ASTM B636/B636M-
15(2021)
ASTM B792-16(2026)
Standard Specification for Zinc
Alloys in Ingot Form for Slush
Casting
Pages:2
Replaces:ASTM B792-16(2021)
ASTM B793-16(2026)
Standard Specification for Zinc
Casting Alloy Ingot for Sheet

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Metal Forming Dies and Plastic Injection Molds

Pages:2

Replaces:ASTM B793-16(2021)

ASTM B872-26

Standard Specification for Precipitation-Hardening Nickel Alloys Plate, Sheet, and Strip

Pages:5

Replaces:ASTM B872-19

ASTM B905-26

Standard Test Methods for Assessing the Adhesion of Metallic and Inorganic Coatings by the Mechanized Tape Test

Pages:4

Replaces:ASTM B905-00(2021)

ASTM B979-12(2026)

Standard Specification for Non-Specular (NS) Surface Finish on Overhead Aluminum Electrical Conductors

Pages:2

Replaces:ASTM B979-12(2018)

ASTM B997-26

Standard Specification for Zinc-Aluminum Alloys in Ingot Form for Hot-Dip Coatings

Pages:3

Replaces:ASTM B997-16(2021)

ASTM C28/C28M-26

Standard Specification for Gypsum Plasters

Pages:5

Replaces:ASTM C28/C28M-10(2020)

ASTM C421-26

Standard Test Method for Tumbling Friability of Preformed Block-Type and Preformed Pipe-Covering-Type Thermal Insulation

Pages:3

Replaces:ASTM C421-08(2020)

ASTM D1052-09(2026)

Standard Test Method for Measuring Rubber Deterioration—Cut Growth Using Ross Flexing

Apparatus

Pages:4

Replaces:ASTM D1052-09(2019)

ASTM D1076-23(2026)

Standard Specification for Rubber—Concentrated, Ammonia Stabilized, Creamed, and Centrifuged Natural Latex

Pages:14

Replaces:ASTM D1076-23

ASTM D1278-91a(2026)

Standard Test Methods for Rubber from Natural Sources—Chemical Analysis

Pages:6

Replaces:ASTM D1278-91a(2020)

ASTM D1415-18(2026)

Standard Test Method for Rubber Property—International Hardness

Pages:7

Replaces:ASTM D1415-18

ASTM D2570-26

Standard Test Method for Simulated Service Corrosion Testing of Engine Coolants

Pages:9

Replaces:ASTM D2570-24

ASTM D2838-18(2026)

Standard Test Method for Shrink Tension and Orientation Release Stress of Plastic Film and Thin Sheet

Pages:5

Replaces:ASTM D2838-09e1

ASTM D3493-26

Standard Test Method for Carbon Black—Oil Absorption Number of Compressed Sample (COAN)

Pages:4

Replaces:ASTM D3493-21

ASTM D454-04(2026)

Standard Test Method for Rubber Deterioration by Heat and Air Pressure

Pages:4

Replaces:ASTM D454-04(2019)

ASTM D531-15(2026)

Standard Test Method for Rubber Property—Pusey and Jones Indentation

Pages:4

Replaces:ASTM D531-15(2019)

ASTM D5548-26

Standard Guide for Evaluating Color Transfer or Color Loss of Dyed Fabrics in Laundering (Not Suitable for Detergent or Washing Machine Rankings)

Pages:3

Replaces:ASTM D5548-13(2020)

ASTM D6645-18(2026)

Standard Test Method for Methyl (Comonomer) Content in Polyethylene by Infrared Spectrophotometry

Pages:5

Replaces:ASTM D6645-18

ASTM D7133-21(2026)e1

Standard Test Method for Polyurethane Raw Materials: Instrumental Measurement of Tristimulus CIELAB Color and Yellowness Index of Liquids

Pages:4

Replaces:ASTM D7133-21

ASTM D7859-26

Standard Practice for Spraying, Sampling, Packaging, and Test Specimen Preparation of Spray Polyurethane Foam (SPF)

Insulation for Testing of Emissions Using Environmental Chambers

Pages:5

Replaces:ASTM D7859-19

ASTM D991-89(2026)

Standard Test Method for Rubber Property—Volume Resistivity Of Electrically Conductive and Antistatic Products

Pages:5

Replaces:ASTM D991-89(2020)

ASTM E1361-02(2026)

Standard Guide for Correction of

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Interelement Effects in X-Ray Spectrometric Analysis
Pages:12
Replaces:ASTM E1361-02(2021)
ASTM E1555-20(2026)
Standard Specification for Structural Paste Adhesive for Sandwich Panel Repair
Pages:5
Replaces:ASTM E1555-20
ASTM E1556-20(2026)
Standard Specification for Epoxy Resin System for Composite Skin, Honeycomb Sandwich Panel Repair
Pages:9
Replaces:ASTM E1556-20
ASTM E2013-26
Standard Practice for Developing Functions, Constructing FAST Diagrams, and Performing Function Analysis During Value Engineering (VE)/Value Analysis (VA) Study
Pages:10
Replaces:ASTM E2013-20
ASTM E3162-26
Standard Practice Measuring the Durability of Antibacterial Agents Applied to Textiles under Simulated Home Laundering Conditions
Pages:3
Replaces:ASTM E3162-18
ASTM E344-26a
Terminology Relating to Thermometry and Hydrometry
Pages:22
Replaces:ASTM E344-26
ASTM E3461-26
Standard Guide for Principles of Circular Product Design
Pages:6
Replaces:ASTM E3461-25
ASTM E3516-26
Standard Guide for Flaw Detection using Nonlinear Acoustic Resonance Inspection

Pages:7
ASTM E529-04(2026)
Standard Guide for Conducting Flexural Tests on Beams and Girders for Building Construction
Pages:3
Replaces:ASTM E529-04(2018)
ASTM E557-12(2026)
Standard Guide for Architectural Design and Installation Practices for Sound Isolation between Spaces Separated by Operable Partitions
Pages:7
Replaces:ASTM E557-12(2020)
ASTM E575-05(2026)
Standard Practice for Reporting Data from Structural Tests of Building Constructions, Elements, Connections, and Assemblies
Pages:3
Replaces:ASTM E575-05(2018)
ASTM E874-26
Standard Practice for Adhesive Bonding of Aluminum Facings to Nonmetallic Honeycomb Core for Shelter Panels
Pages:6
Replaces:ASTM E874-19
ASTM F2981-15(2026)
Standard Test Method for Verifying Nonporous Flexible Barrier Material Resistance to the Passage of Air
Pages:3
Replaces:ASTM F2981-15(2020)
ASTM F3782-26
Standard Practice for Sampling and Testing Synthetic Turf Fiber and Fabric for PFAS
Pages:5
ASTM F667/F667M-26
Standard Specification for 3 through 24 in. Corrugated Polyethylene Pipe and Fittings
Pages:5
Replaces:ASTM F667/F667M-

16(2021)
ASTM G105-26
Standard Test Method for Conducting Wet Sand/Rubber Wheel Abrasion Tests
Pages:10
Replaces:ASTM G105-20
ASTM A1061/A1061M-26
Standard Test Methods for Testing Multi-Wire Steel Prestressing Strand
Pages:5
Replaces:ASTM A1061/A1061M-20ae1
ASTM A882/A882M-26
Standard Specification for Filled Epoxy-Coated Seven-Wire Steel Prestressing Strand
Pages:7
Replaces:ASTM A882/A882M-20
ASTM C1956-25e1
Standard Test Method for Laminated Glass Edges when in Contact with Sealants and Glazing Tapes
Pages:6
Replaces:ASTM C1956-25
ASTM C1963-26
Standard Test Method for Air-Permeability Coefficient of Hardened Concrete by the Double-Chamber Vacuum Cell Method
Pages:12
ASTM C522-26
Standard Test Method for Airflow Resistance of Acoustical Materials
Pages:7
Replaces:ASTM C522-03(2022)
ASTM D1417-16(2026)
Standard Test Methods for Rubber Latexes—Synthetic
Pages:11
Replaces:ASTM D1417-16(2021)
ASTM D1456-86(2026)
Standard Test Method for Rubber Property—Elongation at Specific Stress

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Pages:5
Replaces:ASTM D1456-86(2020)
ASTM D1460-86(2026)
Standard Test Method for Rubber Property—Change in Length During Liquid Immersion
Pages:4
Replaces:ASTM D1460-86(2020)
ASTM D1485-07(2026)
Standard Practice for Rubber from Natural Sources—Sampling and Sample Preparation
Pages:3
Replaces:ASTM D1485-07(2020)
ASTM D1646-19a(2026)
Standard Test Methods for Rubber—Viscosity, Stress Relaxation, and Pre-Vulcanization Characteristics (Mooney Viscometer)
Pages:12
Replaces:ASTM D1646-19a
ASTM D2084-19a(2026)
Standard Test Method for Rubber Property—Vulcanization Using Oscillating Disk Cure Meter
Pages:12
Replaces:ASTM D2084-19a
ASTM D2227-96(2026)
Standard Specification for Natural Rubber (NR) Technical Grades
Pages:2
Replaces:ASTM D2227-96(2020)
ASTM D3241-26
Standard Test Method for Thermal Oxidation Stability of Aviation Turbine Fuels
Pages:25
Replaces:ASTM D3241-25a
ASTM D7300-26
Standard Test Method for Laboratory Determination of Strength Properties of Frozen Soil at a Constant Rate of Strain
Pages:6
Replaces:ASTM D7300-18
ASTM D8152-26

Standard Practice for Measuring Field Infiltration Rate and Calculating Field Hydraulic Conductivity Using the Modified Philip Dunne Infiltrometer Test
Pages:17
Replaces:ASTM D8152-18
ASTM D8633-26
Standard Test Methods for Evaluating the Cross-Grain Compression Strength and Stiffness of Wood and Wood-Based Products
Pages:17
Replaces:ASTM E964-15(2020)e1
ASTM E964-15(2026)
Standard Practice for Measuring Benefit-to-Cost and Savings-to-Investment Ratios for Buildings and Building Systems
Pages:14
Replaces:ASTM E964-15(2020)e1
ASTM F2164-26
Standard Practice for Field Leak Testing of Polyethylene (PE) and Crosslinked Polyethylene (PEX) Pressure Piping Systems Using Hydrostatic Pressure
Pages:6
Replaces:ASTM F2164-21
ASTM F3768-26
Standard Specification for IFR Operations in IMC for a Light-Sport Aircraft
Pages:4
Replaces:ASTM F3768-25

TIÊU CHUẨN JIS

JIS B 8008-3:2026
Reciprocating internal combustion engines-Exhaust emission measurement-Part 3: Test procedures for measurement of exhaust gas smoke emissions from compression ignition engines using a filter type smoke meter
Pages:18

Replaces:JIS B 8008-3:2000
JIS B 8008-9:2026
Reciprocating internal combustion engines-Exhaust emission measurement-Part 9: Test cycles and test procedures for measurement of exhaust gas smoke emissions from compression ignition engines using an opacimeter
Pages:74
Replaces:JIS B 8008-9:2004
IS C 8201-4-2:2026
Low-voltage switchgear and controlgear-Part 4-2: Contactors and motor-starters-Semiconductor motor controllers, starters and soft-starters
Pages:106
Replaces:JIS C 8201-4-2:2010
JIS C 8201-4-3:2026
Low-voltage switchgear and controlgear-Part 4-3: Contactors and motor-starters-Semiconductor controllers and semiconductor contactors for non-motor loads
Pages:84
Replaces:JIS C 8201-4-3:2010
JIS K 6271-2:2026
Rubber, vulcanized or thermoplastic-Determination of resistivity-Part 2: Parallel terminal electrode system
Pages:22
Replaces:JIS K 6271-2:2015
JIS L 1013-1:2026
Test methods for man-made filament yarns-Part 1: General rules
Pages:12
JIS L 1013-2:2026
Test methods for man-made filament yarns-Part 2: Basic properties
Pages:50
Replaces:JIS L 1013:2021
JIS L 1013-3:2026

Test methods for man-made filament yarns-Part 3: Mechanical properties

Pages:26

Replaces:JIS L 1013:2021

JIS L 1013-4:2026

Test methods for man-made filament yarns-Part 4: Chemical properties

Pages:18

Replaces:JIS L 1013:2021

JIS L 1013-5:2026

Test methods for man-made filament yarns-Part 5: High strength and/or high modulus yarns

Pages:14

JIS L 1013-6:2026

Test methods for man-made filament yarns-Part 6: Elastic filament yarns

Pages:14

JIS L 1013-7:2026

Test methods for man-made filament yarns-Part 7: Textured yarns

Pages:32

JIS L 1015-1:2026

Test methods for man-made staple fibres-Part 1: General rules

Pages:8

JIS L 1015-2:2026

Test methods for man-made staple fibres-Part 2: Basic properties

Pages:46

Replaces:JIS L 1015:2021

JIS L 1015-3:2026

Test methods for man-made staple fibres-Part 3: Mechanical properties

Pages:30

Replaces:JIS L 1015:2021

JIS L 1015-4:2026

Test methods for man-made staple fibres-Part 4: Chemical properties

Pages:16

Replaces:JIS L 1015:2021

TIÊU CHUẨN DIN

DIN EN 4855-06:2026-03

Aerospace series - ECO efficiency of catering equipment - Part 06: Espresso maker; German and English version EN 4855-06:2025

Pages:25
Replaces:DIN EN 4855-06:2025-05

DIN EN 4855-05:2026-03

Aerospace series - ECO efficiency of catering equipment - Part 05: Trash compactor; German and English version EN 4855-05:2025

Pages:27
Replaces:DIN EN 4855-05:2025-05

DIN EN 4855-04:2026-03

Aerospace series - ECO efficiency of catering equipment - Part 04: Beverage makers; German and English version EN 4855-04:2025

Pages:25
Replaces:DIN EN 4855-04:2025-05

DIN EN 4855-03:2026-03

Aerospace series - ECO efficiency of catering equipment - Part 03: Chilling equipment; German and English version EN 4855-03:2025

Pages:27
Replaces:DIN EN 4855-03:2025-05

DIN EN 4855-02:2026-03

Aerospace series - ECO efficiency of catering equipment - Part 02: Oven equipment; German and English version EN 4855-02:2025

Pages:25
Replaces:DIN EN 4855-02:2025-08

DIN EN 4855-01:2026-03

Aerospace series - ECO efficiency of catering equipment - Part 01:

General conditions; German and English version EN 4855-01:2025

Pages:39

Replaces:DIN EN 4855-01:2025-05

DIN EN 4604-008:2026-03

Aerospace series - Cable, electrical, for signal transmission - Part 008: Cable, coaxial, 50 ohms, 200 °C, type WD - Product standard; German and English version EN 4604-008:2025

Pages:35

Replaces:DIN EN 4604-008:2025-04

DIN EN 4604-007:2026-03

Aerospace series - Cable, electrical, for signal transmission - Part 007: Cable, coaxial, 50 ohms, 200 °C, type WN - Product standard; German and English version EN 4604-007:2025

Pages:39

Replaces:DIN EN 4604-007:2025-04

DIN EN 4604-006:2026-03

Aerospace series - Cable, electrical, for signal transmission - Part 006: Cable, coaxial, 50 ohms, 200 °C, type WM - Product standard; German and English version EN 4604-006:2025

Pages:38

Replaces:DIN EN 4604-006:2025-04

DIN EN 4098:2026-03

Aerospace series - Steel 40CrMoV12 (1.8523) - Consumable electrode remelted - Hardened and tempered - Forgings - $D_e \leq 50 \text{ mm}$ - 1 250 MPa $\leq R_m \leq 1 400 \text{ MPa}$; German and English version EN 4098:2026

Pages:21

Replaces:DIN EN 4098:2025-05

DIN EN 334 Berichtigung 1:2026-03

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Gas pressure regulators for inlet pressure up to 10 MPa (100 bar); German and English version EN 334:2019+A1:2024; Corrigendum 1
Pages:2

DIN EN 2002-001:2026-03

Aerospace series - Metallic materials - Test methods - Part 001: Tensile testing at ambient temperature; German and English version EN 2002-001:2026
Pages:60
Replaces:DIN EN 2002-001:2025-07

DIN EN 1998-6/NA:2026-03

National Annex - Nationally determined parameters - Eurocode 8: Design of structures for earthquake resistance - Part 6: Towers, masts and chimneys
Pages:5
Replaces:DIN EN 1998-6/NA:2025-05

DIN EN 1998-4/NA:2026-03

National Annex - Nationally determined parameters - Eurocode 8: Design of structures for earthquake resistance - Part 4: Silos, tanks and pipelines
Pages:7
Replaces:DIN EN 1998-4/NA:2025-09

DIN EN 196-2:2026-03

Methods of testing cement - Part 2: Chemical analysis of cement; German version EN 196-2:2025
Pages:100
Replaces:DIN EN 196-2:2024-09

DIN EN 18087:2026-03

Devices for in-situ generation of biocides - Chlorine dioxide generated from sodium chlorite by acidification or oxidation; German version EN 18087:2026
Pages:55
Replaces:DIN EN 18087:2024-07

DIN EN 17984-3:2026-03

Assistance dogs - Part 3: Competencies for assistance dogs professionals; German version EN 17984-3:2025
Pages:36
Replaces:DIN EN 17984-3:2024-08

DIN EN 17003:2026-03

Road vehicles - Roller brake testers for vehicles of more than 3,5 tons GVW - Safety requirements; German and English version EN 17003:2021
Pages:100
Replaces:DIN EN 17003:2018-01

DIN EN 16616:2026-03

Chemical disinfectants and antiseptics - Chemical-thermal textile disinfection - Test method and requirements (phase 2, step 2); German version EN 16616:2022+A1:2025
Pages:52
Replaces:DIN EN 16616/A1:2024-06

DIN EN 1646-1:2026-03

Leisure accommodation vehicles - Motor caravans - Part 1: Habitation requirements relating to health and safety; German version EN 1646-1:2025
Pages:46
Replaces:DIN EN 1646-1:2024-04

DIN EN 1645-1:2026-03

Leisure accommodation vehicles - Caravans - Part 1: Habitation requirements relating to health and safety; German version EN 1645-1:2025
Pages:58
Replaces:DIN EN 1645-1:2024-04

DIN EN 15761:2026-03

Pre-shaped growing media - Determination of the dimensions and bulk density; German version EN 15761:2026
Pages:16

Replaces:DIN EN 15761:2022-01
DIN EN 15416-5:2026-03

Adhesives for load bearing timber structures other than phenolic and aminoplastic - Test methods - Part 5: Determination of minimum pressing time under referenced conditions; German version EN 15416-5:2025
Pages:17
Replaces:DIN EN 15416-5:2024-06

DIN EN 15416-4:2026-03

Adhesives for load bearing timber structures other than phenolic and aminoplastic - Test methods - Part 4: Determination of open assembly time under referenced conditions; German version EN 15416-4:2025
Pages:12
Replaces:DIN EN 15416-4:2024-06

DIN EN 15416-3:2026-03

Adhesives for load bearing timber structures other than phenolic and aminoplastic - Test methods - Part 3: Creep deformation test at cyclic climate conditions with specimens loaded in bending shear; German version EN 15416-3:2025
Pages:15
Replaces:DIN EN 15416-3:2024-06

DIN EN 15416-1:2026-03

Adhesives for load bearing timber structures other than phenolic and aminoplastic - Test methods - Part 1: Long-term tension load test perpendicular to the bond line at varying climate conditions with specimens perpendicular to the glue line (Glass house test); German version EN 15416-1:2025
Pages:17
Replaces:DIN EN 15416-1:2024-

06

DIN EN 13938-5:2026-03

Explosives for civil uses -
Propellants and rocket
propellants - Part 5: Verification
of safe functioning of solid rocket
propellants used in small rocket
motors; German version EN
13938-5:2025
Pages:16
Replaces:DIN EN 13938-5:2021-
05

DIN EN 13938-4:2026-03

Explosives for civil uses -
Propellants and rocket
propellants - Part 4:
Determination of the burning
rate of solid gun propellants and
black powder; German version
EN 13938-4:2025
Pages:12
Replaces:DIN EN 13938-4:2021-
05

DIN EN 13938-3:2026-03

Explosives for civil uses -
Propellants and rocket
propellants - Part 3: Verification
of deflagration to detonation
transition of solid gun
propellants; German version EN
13938-3:2025
Pages:13
Replaces:DIN EN 13938-3:2021-
05

DIN EN 13938-2:2026-03

Explosives for civil uses -
Propellants and rocket
propellants - Part 2: Verification
of the resistance to electrostatic
discharge of solid gun
propellants; German version EN
13938-2:2025
Pages:22
Replaces:DIN EN 13938-2:2021-
05

DIN EN 13938-1:2026-03

Explosives for civil uses -
Propellants and rocket

propellants - Part 1:

Requirements; German version
EN 13938-1:2025

Pages:17

Replaces:DIN EN 13938-1:2021-
05

DIN EN 1366-3 Berichtigung 1:2026-03

Fire resistance tests for service
installations - Part 3: Penetration
seals; German version EN 1366-
3:2021+A1:2024/AC:2025
Pages:2

DIN EN 13318:2026-03

Screed material and floor screeds
- Vocabulary; Trilingual version
EN 13318:2025
Pages:26

Replaces:DIN EN 13318:2024-11

DIN EN 13126-12:2026-03

Building hardware - Hardware
for windows and door height
windows - Requirements and test
methods - Part 12: Side hung
projecting reversible hardware;
German version EN 13126-
12:2025
Pages:21

Replaces:DIN EN 13126-12:2024-
10

DIN EN 13126-11:2026-03

Building hardware - Hardware
for windows and door height
windows - Requirements and test
methods - Part 11: Top hung
projecting reversible hardware;
German version EN 13126-
11:2025

Pages:20

Replaces:DIN EN 13126-11:2024-
10

DIN EN 13126-10:2026-03

Building hardware - Hardware
for windows and door height
windows - Requirements and test
methods - Part 10: Arm-
balancing systems; German
version EN 13126-10:2025

Pages:20

Replaces:DIN EN 13126-10:2024-
10

DIN EN 13124-2:2026-03

Windows, doors, shutters and
curtain walling - Explosion
resistance - Test method - Part 2:
Arena test; German version EN
13124-2:2025

Pages:23

Replaces:DIN EN 13124-2:2023-
09

DIN EN 13124-1:2026-03

Windows, doors, shutters and
curtain walling - Explosion
resistance - Test method - Part 1:
Shock tube; German version EN
13124-1:2025

Pages:22

Replaces:DIN EN 13124-1:2022-
02

DIN EN 13123-2:2026-03

Windows, doors, shutters and
curtain walling - Explosion
resistance - Requirements and
classification - Part 2: Arena test;
German version EN 13123-
2:2025

Pages:16

Replaces:DIN EN 13123-2:2023-
09

DIN EN 13123-1:2026-03

Windows, doors, shutters and
curtain walling - Explosion
resistance - Requirements and
classification - Part 1: Shock tube;
German version EN 13123-
1:2025

Pages:14

Replaces:DIN EN 13123-1:2022-
02

DIN EN 13001-3-5:2026-03

Cranes - General design - Part 3-
5: Limit states and proof of
competence of forged and cast
hooks; German version EN
13001-3-5:2025

Pages:91

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Replaces:DIN EN 13001-3-
5:2022-05

DIN EN 12680-3:2026-03

Founding - Ultrasonic testing -
Part 3: Spheroidal graphite cast
iron castings; German version EN
12680-3:2025

Pages:27

Replaces:DIN EN 12680-3:2024-
02

DIN EN 12680-2:2026-03

Founding - Ultrasonic testing -
Part 2: Steel castings for highly
stressed components; German
version EN 12680-2:2025

Pages:47

Replaces:DIN EN 12680-2:2024-
02

DIN EN 12680-1:2026-03

Founding - Ultrasonic testing -
Part 1: Steel castings for general
purposes; German version EN
12680-1:2025

Pages:56

Replaces:DIN EN 12680-1:2024-
02

DIN 58141-9:2026-03

Measurement of fiber optic
elements - Part 9: Determination
of deviation of the roundness and
the concentricity of optical fibers;
Text in German and English

Pages:24

Replaces:DIN 58141-9:2025-01

DIN 44808-1:2026-03

Chronometric dating methods in
geosciences and archaeology by
luminescence - Part 1: Reporting
of equivalent doses and dating
results; Text in German and
English

Pages:42

Replaces:DIN 44808-1:2024-06

DIN 28025:2026-04

Nozzles of stainless steel - PN 10
to PN 40

Pages:15

Replaces:DIN 28025:2003-02

DIN 28115:2026-04

Carbon steel nozzles - PN 10 to
PN 40

Pages:12

Replaces:DIN 28115:2003-02

DIN 19302:2026-04

Packaging materials - Paper for
general packaging purposes -
Requirements and test method

Pages:9

Replaces:DIN 19302:2006-02

DIN 19303:2026-04

Paperboard - Terms and grades

Pages:8

Replaces:DIN 19303:2011-03

DIN 72036:2026-04

Road vehicles - Automation of the

wiring-harness production

Pages:185

Replaces:DIN 72036:2024-06

DIN 19260:2026-04

pH measurement - General terms
and definitions

Pages:5

Replaces:DIN 19260:2012-10

DIN 33906:2026-04

Information and documentation -

Romanization of the Syriac

Alphabet

Pages:13

DIN 25422:2026-04

Storage and keeping of other

radioactive materials -

Requirements on protection
against radiation, fire and theft to
be met by storage facilities and
their installation rooms

Pages:32

DIN EN 14439:2026-04

Cranes - Tower cranes; German
version EN 14439:2025 +
AC:2026

Pages:109

Replaces:DIN EN 14439:2010-03

DIN EN 17076:2026-04

Tower cranes - Anti-collision
systems - Safety requirements;
German version EN

17076:2020+A1:2025

Pages:33

Replaces:DIN EN 17076:2021-06

DIN EN 18074:2026-04

Industrial decarbonization -
Requirements and guidelines for
sectoral transition plans; German
version EN 18074:2025

Pages:45

DIN ISO 15665:2026-04

Acoustics - Acoustic insulation for
pipes, valves and flanges (ISO
15665:2023)

Pages:54

Replaces:DIN ISO 15665:2011-02

DIN EN 18029:2026-04

Animal health diagnostic analyses
- Electronic data exchange in
laboratory analysis; German
version EN 18029:2025

Pages:51

DIN EN 16663:2026-04

Biological durability of wood and
wood-based products -
Determination of emissions from
preservative treated wood to the
environment - Wooden

commodities exposed in Use
Class 3 (Not covered, not in

contact with the ground) - Semi-
field method; German version EN
16663:2025

Pages:22

Replaces:DIN CEN/TS

16663:2017-03; DIN SPEC
68004:2017-03

DIN 620-7:2026-04

Rolling bearings - Geometrical
product specifications (GPS) -
Part 7: Vocabulary and
representation of symbols (ISO
22872:2024, modified)

Pages:34

DIN 21057-12:2026-04

Pipe classes for process plants -
Part 12: Technical delivery
conditions for pipe components
of non-alloyed and alloyed steel

with specified properties at elevated temperatures of material group 1.2 and 5.1
Pages:79

Replaces:DIN 21057-12:2017-04

DIN 21057-10:2026-04

Pipe classes for process plants - Part 10: Technical delivery conditions for pipe components of non-alloyed and alloyed steel with specified properties at elevated temperatures of material group 1.1

Pages:85

Replaces:DIN 21057-10:2017-04

DIN EN 9276:2026-04

Aerospace series - Programme management - Recommendations for the implementation of the integrated logistic support; English version EN 9276:2025
Pages:51

DIN EN 12081:2026-04

Railway applications - Axleboxes - Lubricating greases; German version EN 12081:2025
Pages:18

Replaces:DIN EN 12081:2017-11

DIN 4000-95:2026-04

Tabular layouts of properties - Part 95: Interface coding for tools and clamping devices
Pages:87

Replaces:DIN 4000-95:2016-12

DIN 4000-89:2026-04

Tabular layouts of properties - Part 89: Adaptive items for tool holders

Pages:85

Replaces:DIN 4000-89:2012-03

DIN EN 4179:2026-04

Aerospace series - Qualification and approval of personnel for nondestructive testing; German and English version EN 4179:2026

Pages:85

Replaces:DIN EN 4179:2022-05

DIN EN 16922:2026-04

Railway applications - Ground based service - Vehicle waste water discharge equipment; German version EN 16922:2026
Pages:26

Replaces:DIN EN 16922:2019-09

DIN EN 18164:2026-04

Wellness facilities for public use - Climated rooms - Requirements; German version EN 18164:2026
Pages:18

DIN 4003-89:2026-04

Concept for the design of 3D models based on properties according to DIN 4000 - Part 89: Adaptive items for tool holders
Pages:48

Replaces:DIN 4003-89:2013-12

DIN EN 4128:2026-04

Aerospace series - Bolt, normal hexagonal head, coarse tolerance shank, short thread, in heat resisting nickel base alloy, aluminium IVD coated - Classification: 1 250 MPa (at ambient temperature)/425 °C; German and English version EN 4128:2026

Pages:23

Replaces:DIN EN 4128:2016-08

DIN 55985-1:2026-04

Pigments - Comparison of the colour of pigments in mass-tone systems - Part 1: Coloured pigments

Pages:7

Replaces:DIN 55985-1:2020-11

DIN EN 303797:2026-04

Intelligent Transport Systems (ITS) - ITS-G5 Access layer in the 5 GHz frequency band - Release 2 (Endorsement of the English version EN 303 797 V2.1.1 (2024-02) as a German standard

Pages:2

DIN EN 303978:2026-04

Satellite Earth Stations and

Systems (SES) - Earth Stations on Mobile Platforms (ESOMP) communicating with satellites in geostationary orbit, operating in the 27,5 GHz to 30,0 GHz and 17,3 GHz to 20,2 GHz frequency bands - Harmonised Standard for access to radio spectrum

(Endorsement of the English version EN 303 978 V2.2.1 (2024-12) as a German standard)

Pages:2

Replaces:DIN EN 303978:2017-05

DIN EN 300487:2026-04

Satellite Earth Stations and Systems (SES) - Receive-Only Mobile Earth Stations (ROMES) providing data communications operating in the 1,5 GHz frequency band - Harmonised Standard for access to radio spectrum (Endorsement of the English version EN 300 487 V2.2.1 (2024-12) as a German standard)

Pages:2

Replaces:DIN EN 300487:2017-02

DIN EN 319401:2026-04

Electronic Signatures and Trust Infrastructures (ESI) - General Policy Requirements for Trust Service Providers (Endorsement of the English version EN 319 401 V3.1.1 (2024-06) as a German standard)

Pages:2

Replaces:DIN EN 319401:2021-10

DIN EN 303798:2026-04

Intelligent Transport Systems (ITS) - LTE-V2X and NR-V2X Access layer specification for Intelligent Transport Systems operating in the 5 GHz frequency band - Release 2 (Endorsement of the English version EN 303 798

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

V2.1.1 (2024-08) as a German standard)
Pages:2
Replaces:DIN EN 303613:2020-03

DIN EN 302372:2026-04
Short Range Devices (SRD) using Ultra Wide Band technology (UWB) - Harmonised standard for access to radio spectrum - Tank Level Probing Radar (TLPR) equipment operating in the frequency ranges 4,5 GHz to 7 GHz, 8,5 GHz to 10,6 GHz, 24,05 GHz to 27 GHz, 57 GHz to 64 GHz, 75 GHz to 85 GHz (Endorsement of the English version EN 302 372 V3.1.1 (2025-07) as a German standard)
Pages:2
Replaces:DIN EN 302372:2017-05

DIN EN 302480:2026-04
Mobile Communication On Board Aircraft (MCOBA) systems - Harmonised Standard for access to radio spectrum (Endorsement of the English version EN 302 480 V3.1.1 (2025-04) as a German standard)
Pages:2
Replaces:DIN EN 302480:2022-01

DIN EN 303659:2026-04
Short Range Devices (SRD) in Data Networks - Radio equipment to be used in the frequency ranges 865 MHz to 868 MHz and 915 MHz to 919,4 MHz - Harmonised Standard for access to radio spectrum (Endorsement of the English version EN 303 659 V1.1.1 (2025-02) as a German standard)
Pages:2

DIN 19294-2:2026-04
Devices for the disinfection of water using ultraviolet radiation -

Part 2: Devices equipped with UV medium pressure lamps - Requirements and testing
Pages:90

DIN 19294-4:2026-04
Devices for the disinfection of water using ultraviolet radiation - Part 4: Reference radiometers for devices equipped with UV medium pressure lamps - Requirements and testing
Pages:26

DIN 4108-7:2026-04
Thermal insulation and energy economy in buildings - Part 7: Air tightness of buildings - Requirements, recommendations and examples for planning and construction
Pages:52

Replaces:DIN 4108-7:2011-01
DIN 18035-7:2026-04
Sports grounds - Part 7: Synthetic turf areas
Pages:46

Replaces:DIN 18035-7:2019-12
DIN EN 17837:2026-04
Postal Services - Parcel Delivery Environmental Footprint - Methodology for calculation and declaration of GHG emissions and air pollutants of parcel logistics delivery services; German version EN 17837:2023
Pages:79

DIN EN 18071:2026-04
Inland navigation vessels - Methanol bunkering; German version EN 18071:2025
Pages:31

DIN EN ISO 13140:2026-04
Electronic fee collection - Evaluation of on-board and roadside equipment for conformity to ISO 13141 (ISO 13140:2025); English version EN ISO 13140:2025
Pages:48

Replaces:DIN EN ISO 13140-1:2017-03

DIN EN 18064-2:2026-04
Plastics - Quality recommendations and basis for specifications for application of plastic recyclates in products - Part 2: Polyethylene (PE); German version EN 18064-2:2025
Pages:32

DIN EN ISO 9706:2026-04
Information and documentation - Paper for documents - Requirements for permanence (ISO 9706:2025); German version EN ISO 9706:2025
Pages:23
Replaces:DIN EN ISO 9706:2010-02

DIN EN 18064-6:2026-04
Plastics - Quality recommendations and basis for specifications for application of plastic recyclates in products - Part 6: Polystyrene (PS); German version EN 18064-6:2025
Pages:37

DIN EN 18064-7:2026-04
Plastics - Quality recommendations and basis for specifications for application of plastic recyclates in products - Part 7: Acrylonitrile- butadiene-styrene (ABS); German version EN 18064-7:2025
Pages:25

DIN EN 18064-1:2026-04
Plastics - Quality recommendations and basis for specifications for application of plastic recyclates in products - Part 1: General aspects; German version EN 18064-1:2025
Pages:16

DIN EN 13631-11:2026-04
Explosives for civil uses - Explosives for blasting boosters

and explosive substances - Part 11: Verification of the transmission of detonation of cartridged explosives for blasting; German version EN 13631-11:2025
Pages:16
Replaces:DIN EN 13631-11:2004-02
DIN ISO 22915-1:2026-04
Industrial trucks - Verification of stability - Part 1: General (ISO 22915-1:2024)
Pages:14
Replaces:DIN ISO 22915-1:2020-06
DIN EN 13631-4:2026-04
Explosives for civil uses - Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Part 4: Verification of the insensitiveness to impact of explosives for blasting and explosive substances; German version EN 13631-4:2025
Pages:17
Replaces:DIN EN 13631-4:2002-12
DIN EN 13631-17:2026-04
Explosives for civil uses - Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Part 17: Verification of transmission of deflagration of black powder used for blasting; German version EN 13631-17:2025
Pages:12
Replaces:DIN EN 13938-7:2004-11
DIN EN 13631-10:2026-04
Explosives for civil uses - Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Part 10: Verification of the means of initiation of explosives for blasting and boosters; German version EN 13631-10:2025
Pages:14

Replaces:DIN EN 13631-10:2004-02
DIN EN 13631-3:2026-04
Explosives for civil uses - Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Part 3: Verification of the insensitiveness to friction of explosives for blasting and explosive substances; German version EN 13631-3:2025
Pages:15
Replaces:DIN EN 13631-3:2004-11
DIN EN 13631-13:2026-04
Explosives for civil uses - Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Part 13: Verification of density; German version EN 13631-13:2025
Pages:12
Replaces:DIN EN 13631-13:2003-07
DIN EN 13763-27:2026-04
Explosives for civil uses - Detonators and detonating cord relays - Part 27: Test methods for electronic initiation systems; German version EN 13763-27:2025
Pages:88
Replaces:DIN CEN/TS 13763-27:2003-11
DIN EN 13631-2:2026-04
Explosives for civil uses - Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Part 2: Verification of thermal stability; German version EN 13631-2:2025
Pages:12
Replaces:DIN EN 13631-2:2002-12
DIN EN 13631-6:2026-04
Explosives for civil uses - Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Part 6:

Verification of the resistance to hydrostatic pressure of explosives for blasting and boosters; German version EN 13631-6:2025
Pages:15
Replaces:DIN EN 13631-6:2002-12
DIN EN 13631-5:2026-04
Explosives for civil uses - Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Part 5: Verification of the resistance to water of explosives for blasting and boosters; German version EN 13631-5:2025
Pages:20
Replaces:DIN EN 13631-5:2002-12
DIN ISO 22915-16:2026-04
Industrial trucks - Verification of stability - Part 16: Pedestrian-propelled trucks (ISO 22915-16:2024)
Pages:13
Replaces:DIN ISO 22915-16:2017-05
DIN EN IEC 63339:2026-04
Unified reference model for smart manufacturing (IEC 63339:2024); German version EN IEC 63339:2024
Pages:105
DIN EN ISO 13670:2026-04
Fasteners - Reverse-taper grooved pins - One quarter-length progressive grooves on both sides (ISO 13670:2025); German version EN ISO 13670:2025
Pages:14
DIN EN 13763-1:2026-04
Explosives for civil uses - Detonators and detonating cord relays - Part 1: Requirements; German version EN 13763-1:2025
Pages:79

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Replaces: DIN EN 13763-1:2004-08, DIN EN 13857-3:2003-01
DIN EN 13631-14:2026-04
Explosives for civil uses - Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Part 14: Verification of the velocity of detonation of explosives for blasting; German version EN 13631-14:2025
Pages: 21
Replaces: DIN EN 13631-14:2003-07
DIN EN 12697-48:2026-04
Bituminous mixtures - Test methods - Part 48: Interlayer Bonding; German version EN 12697-48:2021+A1:2025
Pages: 50
Replaces: DIN EN 12697-48:2022-02
DIN EN IEC 61847
Ultrasonics - Surgical systems - Measurement and declaration of the basic output characteristics (IEC 61847:2025); German version EN IEC 61847:2025
Pages: 39
Replaces: DIN EN 61847:1998-09
DIN EN 12082-1:2026-04
Railway applications - Axleboxes - Part 1: Test procedures; German version EN 12082-1:2025
Pages: 46
Replaces: DIN EN 12082:2021-09
DIN EN 12082-2:2026-04
Railway applications - Axleboxes - Part 2: Deployment Procedure; German version EN 12082-2:2025
Pages: 20
Replaces: DIN EN 12082:2021-09
DIN EN ISO 11970:2026-04
Specification and qualification of welding procedures for production welding of steel and nickel-base castings (ISO 11970:2025); German version EN

ISO 11970:2025
Pages: 26
Replaces: DIN EN ISO 11970:2016-08
DIN EN ISO 24490:2026-04
Cryogenic vessels - Centrifugal pumps for cryogenic service (ISO 24490:2025); German version EN ISO 24490:2025
Pages: 17
Replaces: DIN EN ISO 24490:2016-08
DIN EN ISO 3169:2026-04
Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) - Methods for chemical analysis of impurities in aluminium oxide powders using inductively coupled plasma-optical emission spectrometry (ISO 3169:2023); German version EN ISO 3169:2025
Pages: 20
Replaces: DIN EN 725-1:2008-06
DIN EN ISO 19630:2026-04
Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) - Methods of test for reinforcements - Determination of tensile properties of filaments at ambient temperature (ISO 19630:2025); German version EN ISO 19630:2025
Pages: 17
Replaces: DIN EN ISO 19630:2021-09
DIN ISO 16063-21:2026-04
Methods for the calibration of vibration and shock transducers - Part 21: Vibration calibration by comparison to a reference transducer (ISO 16063-21:2003 + Cor. 1:2009 + Amd.1:2016 + Amd.2:2024)
Pages: 42
Replaces: DIN ISO 16063-21:2016-08
DIN EN ISO 21181:2026-04

Light conveyor belts - Determination of the relaxed elastic modulus (ISO 21181:2025); German version EN ISO 21181:2025
Pages: 14
Replaces: DIN EN ISO 21181:2013-09
DIN EN ISO 21182:2026-04
Light conveyor belts - Determination of the coefficient of friction (ISO 21182:2025); German version EN ISO 21182:2025
Pages: 18
Replaces: DIN EN ISO 21182:2013-09
DIN EN ISO 18249:2026-04
Non-destructive testing - Acoustic emission testing - Specific methodology and general evaluation criteria for testing of fibre-reinforced polymers (ISO 18249:2015); German version EN ISO 18249:2025
Pages: 29
DIN EN 71-1:2026-04
Safety of toys - Part 1: Mechanical and physical properties; German version EN 71-1:2026
Pages: 239
Replaces: DIN EN 71-1:2018-12
DIN EN 3545-006:2026-04
Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, with sealed and non-sealed rear, plastic housing, locking device, operating temperatures -55 °C to 175 °C - Part 006: Male coding and attachment system for mounting on fixed housing (receptacle) - Product standard; German and English version EN 3545-006:2026
Pages: 17
Replaces: DIN EN 3545-006:2015-06
DIN EN ISO 11986:2026-04

Ophthalmic optics - Contact lenses and contact lens care products - Determination of preservative uptake and release (ISO 11986:2026); German version EN ISO 11986:2026
Pages:13

Replaces:DIN EN ISO 11986:2018-04

DIN EN ISO 3325:2026-04

Sintered metal materials, excluding hardmetals - Determination of transverse rupture strength (ISO 3325:2026); German version EN ISO 3325:2026
Pages:10

Replaces:DIN EN ISO 3325:2002-06

DIN EN 9300-210:2026-04

Aerospace series - LOTAR - Long Term Archiving and Retrieval of digital technical product documentation such as 3D, CAD and PDM data - Part 210: Product management data in an "as designed" view; English version EN 9300-210:2026

Pages:42

DIN EN ISO 24202:2026-04

Oil and gas industries including lower carbon energy - Bulk material for offshore projects - Monorail beam and padeye (ISO 24202:2023); English version EN ISO 24202:2026

Pages:48

DIN EN ISO 3845:2026-04

Oil and gas industries including lower carbon energy - Full ring ovalization test method for the evaluation of the cracking resistance of steel line pipe in sour service (ISO 3845:2024); English version EN ISO 3845:2026

Pages:66

DIN EN 300220-2:2026-04

Short Range Devices (SRD) operating in the frequency range 25 MHz to 1 000 MHz with power levels ranging up to 500 mW e.r.p. - Part 2: Harmonised Standard for access to radio spectrum for non specific radio equipment (Endorsement of the English version EN 300 220-2 V3.3.1 (2025-03) as a German standard)
Pages:2

Replaces:DIN EN 300220-2:2018-09

DIN EN 302729-1:2026-04

Short Range Devices (SRD) using Ultra Wide Band technology (UWB) - Harmonised standard for access to radio spectrum - Part 1: Level Probing Radar (LPR) equipment operating in the frequency ranges 6 GHz to 8,5 GHz, 24,05 GHz to 26,5 GHz, 57 GHz to 64 GHz, 75 GHz to 85 GHz for strictly vertical downward installation (Endorsement of the English version EN 302 729-1 V3.1.1 (2025-05) as a German standard)

Pages:2

Replaces:DIN EN 302729:2017-05

DIN EN 301406-2:2026-04

Digital Enhanced Cordless Telecommunications (DECT) - Harmonised Standard for access to radio spectrum - Part 2: DECT-2020 NR (Endorsement of the English version EN 301 406-2 V3.1.1 (2023-08) as a German standard)
Pages:2

DIN EN 300395-2:2026-04

TETRA and Critical Communications Evolution (TCCE) - Speech codec for full-rate traffic channel - Part 2: TETRA codec (Endorsement of the English version EN 300 395-2

V1.3.3 (2025-02) as a German standard)

Pages:2

Replaces:DIN EN 300395-2:2005-07

DIN EN 305550-6:2026-04

Short Range Devices (SRD) to be used in the 40 GHz to 260 GHz frequency range - Harmonised Standard for access to radio spectrum - Part 6: Specific radiodetermination applications - Tank Level Probing Radar (TLPR) and Level Probing Radar (LPR) equipment operating in the frequency ranges 116 GHz to 148,5 GHz; 167 GHz to 182 GHz and 231,5 GHz to 250 GHz (Endorsement of the English version EN 305 550-6 V1.2.1 (2025-05) as a German standard)
Pages:2

DIN EN 301908-18:2026-04

IMT cellular networks - Harmonised Standard for access to radio spectrum - Part 18: NR, E-UTRA, UTRA and GSM/EDGE Multi-Standard Radio (MSR) Base Station (BS) Release 17 (Endorsement of the English version EN 301 908-18 V17.1.1 (2025-02) as a German standard)
Pages:2

Replaces:DIN EN 301908-18:2022-01

DIN EN 319102-1:2026-04

Electronic Signatures and Trust Infrastructures (ESI) - Procedures for Creation and Validation of AdES Digital Signatures - Part 1: Creation and Validation (Endorsement of the English version EN 319 102-1 V1.4.1 (2024-06) as a German standard)
Pages:2

Replaces:DIN EN 319102-1:2022-05

DIN EN 319122-1:2026-04

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Electronic Signatures and Infrastructures (ESI) - CAdES digital signatures - Part 1: Building blocks and CAdES baseline signatures (Endorsement of the English version EN 319 122-1 V1.3.1 (2023-06) as a German standard) Pages:2

Replaces:DIN EN 319122-1:2022-05

DIN EN 319412-1:2026-04

Electronic Signatures and Trust Infrastructures (ESI) - Certificate Profiles - Part 1: Overview and common data structures (Endorsement of the English version EN 319 412-1 V1.6.1 (2025-06) as a German standard) Pages:2

Replaces:DIN EN 319412-1:2024-02

DIN EN 319412-2:2026-04

Electronic Signatures and Trust Infrastructures (ESI) - Certificate Profiles - Part 2: Certificate profile for certificates issued to natural persons (Endorsement of the English version EN 319 412-2 V2.4.1 (2025-06) as a German standard) Pages:2

Replaces:DIN EN 319412-2:2024-04

DIN EN 319412-4:2026-04

Electronic Signatures and Trust Infrastructures (ESI) - Certificate Profiles - Part 4: Certificate profile for web site certificates (Endorsement of the English version EN 319 412-4 V1.3.2 (2024-11) as a German standard) Pages:2

Replaces:DIN EN 319412-4:2024-04

DIN EN 319412-5:2026-04

Electronic Signatures and Trust Infrastructures (ESI) - Certificate

Profiles - Part 5: QCStatements (Endorsement of the English version EN 319 412-5 V2.5.1 (2025-06) as a German standard) Pages:2

Replaces:DIN EN 319412-5:2024-04

DIN EN 301908-14:2026-04

IMT cellular networks - Harmonised Standard for access to radio spectrum - Part 14: Evolved Universal Terrestrial Radio Access (E-UTRA) Base Stations (BS) Release 17 (Endorsement of the English version EN 301 908-14 V17.1.1 (2025-02) as a German standard) Pages:2

Replaces:DIN EN 301908-14:2022-01

DIN EN 18064-5:2026-04

Plastics - Quality recommendations and basis for specifications for application of plastic recyclates in products - Part 5: Poly(vinyl chloride) (PVC); German version EN 18064-5:2025

Pages:24

DIN EN 18064-4:2026-04

Plastics - Quality recommendations and basis for specifications for application of plastic recyclates in products - Part 4: Poly(ethylene terephthalate) (PET); German version EN 18064-4:2025

Pages:24

DIN EN 18064-3:2026-04

Plastics - Quality recommendations and basis for specifications for application of plastic recyclates in products - Part 3: Polypropylene (PP); German version EN 18064-3:2025

Pages:26

DIN EN ISO 17201-2:2026-04

Acoustics - Noise from shooting ranges - Part 2: Calculation of muzzle blast (ISO 17201-2:2025); German version EN ISO 17201-2:202

Pages:31

Replaces:DIN EN ISO 17201-2:2006-10

DIN EN ISO 17201-4:2026-04

Acoustics - Noise from shooting ranges - Part 4: Calculation of projectile sound (ISO 17201-4:2025); German version EN ISO 17201-4:2025

Pages:55

Replaces:DIN EN ISO 17201-4:2006-07

DIN EN ISO 8559-2:2026-04

Size designation of clothes - Part 2: Primary and secondary dimension indicators (ISO 8559-2:2025); German version EN ISO 8559-2:2025

Pages:68

Replaces:DIN EN ISO 8559-2:2021-02

DIN EN ISO/ASTM 52929:2026-04

Additive manufacturing of metals - Powder bed fusion - Presentation of material properties in material data sheets (ISO/ASTM 52929:2025); German version EN ISO/ASTM 52929:2025

Pages:22

DIN EN ISO 15614-11:2026-04

Specification and qualification of welding procedures for metallic materials - Welding procedure test - Part 11: Electron and laser beam welding (ISO 15614-11:2025); German version EN ISO 15614-11:2025

Pages:37

Replaces:DIN EN ISO 15614-11:2002-10

DIN EN ISO 12217-3:2026-04

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Small craft - Stability and buoyancy assessment and categorization - Part 3: Boats of hull length less than 6 m (ISO 12217-3:2022); German version EN ISO 12217-3:2025

Pages:91

Replaces:DIN EN ISO 12217-3/A100:2017-12, DIN EN ISO 12217-3:2016-03

DIN EN ISO 182-3:2026-04

Plastics - Determination of the tendency of compounds and products based on vinyl chloride homopolymers and copolymers to evolve hydrogen chloride and any other acidic products at elevated temperatures - Part 3: Conductometric method (ISO 182-3:2025); German version EN ISO 182-3:2025

Pages:27

Replaces:DIN EN ISO 182-3:2024-03

DIN EN ISO 8894-2:2026-04

Refractory materials - Determination of thermal conductivity - Part 2: Hot-wire method (parallel) (ISO 8894-2:2007); German version EN ISO 8894-2:2025

Pages:22

Replaces:DIN EN 993-15:2005-07

DIN EN IEC 63356-2:2026-04

LED light source characteristics - Part 2: Design parameters and values (IEC 63356-2:2024); German version EN IEC 63356-2:2024

Pages:51

Replaces:DIN EN IEC 63356-2:2024-04

DIN EN IEC 60268-7:2026-04

Sound system equipment - Part 7: Headphones and earphones (IEC 60268-7:2025); German version EN IEC 60268-7:2025

Pages:61

Replaces:DIN EN 60268-7:2021-08

DIN EN ISO 22568-1:2026-04

Foot and leg protectors - Requirements and test methods for footwear components - Part 1: Metallic toecaps (ISO 22568-1:2019, Corrected version 2020-11 + Amd 1:2025); German version EN ISO 22568-1:2019 + A1:2025

Pages:28

Replaces:DIN EN ISO 22568-1:2021-03

DIN EN ISO 22568-2:2026-04

Foot and leg protectors - Requirements and test methods for footwear components - Part 2: Non-metallic toecaps (ISO 22568-2:2019 + Amd 1:2025); German version EN ISO 22568-2:2019 + A1:2025

Pages:24

Replaces:DIN EN ISO 22568-2:2020-01

DIN EN 302065-3-1:2026-04

Short Range Devices (SRD) using Ultra Wide Band technology (UWB) - Harmonised standard for access to radio spectrum - Part 3: UWB devices installed in motor and railway vehicles - Sub-part 1: Requirements for UWB devices for vehicular access systems within 3,8 GHz to 4,2 GHz or 6 GHz to 8,5 GHz (Endorsement of the English version EN 302 065-3-1 V3.2.1 (2025-02) as a German standard)

Pages:2

Replaces:DIN EN 302065-3:2017-02

DIN EN 303364-1-1:2026-04

Primary Surveillance Radar (PSR) - Harmonised Standard for access to radio spectrum - Part 1: Air Traffic Control (ATC) PSR sensors operating in the

frequency band 1 215 MHz to 1 400 MHz (L band) - Sub-part 1: Radar systems using reflector antennas (Endorsement of the English version EN 303 364-1-1 V1.1.1 (2025-06) as a German standard)

Pages:2

DIN EN 1993-1-4:2026-04

Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-4: Stainless steel structures; German version EN 1993-1-4:2025

Pages:71

Replaces:DIN EN 1993-1-4/A2:2021-02, DIN EN 1993-1-4:2015-10

DIN EN ISO 12217-2:2026-04

Small craft - Stability and buoyancy assessment and categorization - Part 2: Sailing boats of hull length greater than or equal to 6 m (ISO 12217-2:2022); German version EN ISO 12217-2:2025

Pages:105

Replaces:DIN EN ISO 12217-2/A100:2017-12, DIN EN ISO 12217-2:2016-03

DIN EN ISO 12217-1:2026-04

Small craft - Stability and buoyancy assessment and categorization - Part 1: Non-sailing boats of hull length greater than or equal to 6 m (ISO 12217-1:2022); German version EN ISO 12217-1:2025

Pages:92

Replaces:DIN EN ISO 12217-1/A100:2017-12, DIN EN ISO 12217-1:2016-08

DIN EN ISO 10059-1:2026-04

Dense shaped refractory products - Determination of cold compressive strength - Part 1: Referee test without packing (ISO 10059-1:2025); German version EN ISO 10059-1:2025

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

Pages:19

Replaces:DIN EN 993-5:2019-03

DIN EN ISO 12217-2:2026-04

Small craft - Stability and buoyancy assessment and categorization - Part 2: Sailing boats of hull length greater than or equal to 6 m (ISO 12217-2:2022); German version EN ISO 12217-2:2025

Pages:105

Replaces:DIN EN ISO 12217-2/A100:2017-12, DIN EN ISO 12217-2:2016-03

DIN EN IEC 62220-2-1:2026-04

Medical electrical equipment - Characteristics of digital X-ray imaging devices - Part 2-1: Determination of dual-energy subtraction efficiency - Detectors used for dual-energy radiographic imaging (IEC 62220-2-1:2023); German version EN IEC 62220-2-1:2023

Pages:22

DIN EN ISO/IEEE 11073-10206:2026-04

Health informatics - Device interoperability - Part 10206: Personal health device communication - Abstract content information model (ISO/IEEE 11073-10206:2024); English version EN ISO/IEEE 11073-10206:2026

Pages:98

DIN EN ISO/IEEE 11073-10421:2026-04

Health informatics - Device interoperability - Part 10421: Personal health device communication - Device specialization - Peak expiratory flow monitor (peak flow) (ISO/IEEE 11073-10421:2024); English version EN ISO 11073-10421:2026

Pages:80

Replaces:DIN EN ISO 11073-10421:2013-03

DIN EN 1993-1-13/NA:2026-04

National Annex to DIN EN 1993-1-13:2025-04 - Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-13: Beams with large web openings

Pages:5

DIN EN 1993-1-5/NA:2026-04

National Annex to DIN EN 1993-1-5:2025-04 - Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-5: Plated structural elements

Pages:10

Replaces:DIN EN 1993-1-5/NA:2018-11

DIN EN 1993-1-3/NA:2026-04

National Annex to DIN EN 1993-1-3:2025-04 - Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-3: Cold-formed members and sheeting

Pages:15

Replaces:DIN EN 1993-1-3/NA:2017-05

DIN EN 1993-1-8/NA:2026-04

National Annex to DIN EN 1993-1-8:2025-04 - Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-8: Joints

Pages:23

Replaces:DIN EN 1993-1-8/NA:2020-11

DIN EN 1993-1-1/NA:2026-04

National Annex to DIN EN 1993-1-1:2025-04 - Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-1: General rules and rules for buildings

Pages:19

Replaces:DIN EN 1993-1-1/NA:2022-10

TIÊU CHUẨN GB

GB 3095-2026

Ambient air quality standards

GB 13457-2025

Discharge standard of water pollutants for slaughter and meat processing industry

GB 46817-2025

Discharge standard of water pollutants for food processing and manufacturing industry

GB 19821-2025

Discharge standard of water pollutants for fermented alcohol and alcoholic manufacturing industry

GB 12523-2025

Emission standard for construction noise

GB 34330-2025

Identification standards for solid wastes General rules

GB 25466.1-2025

Emission standard of air pollutants for lead and zinc industry

GB 46790-2025

Emission standard of air pollutants for refractory industry

GB 46518-2025

Technical specification for bulk transportation of liquid food

GB 21556.2-2025

Technical requirements for lock safety—Part 2: Burglary-resistant locks

GB 29743.3-2025

Motor vehicle coolant—Part 3: Fuel cell vehicle coolant

GB 46031-2025

Technical specifications for explosion prevention and protection in combustible dust processing system

GB 46032-2025

Specification on pesticide management and usage for stored grain

GB 46033-2025

Safe operation regulations for

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

grain storage facility

GB 46034-2025

Fire safety inspection rules for public assembly occupancies prior to opening of businesses

GB 46036-2025

Security protection—Transparent protection materials

GB 29741-2025

Safety specification for aluminum electrolysis

GB 30080-2025

Safety specification for design and production of copper and copper alloy melting and casting

GB 26488-2025

Safety specification for magnesium alloy die casting

GB 27999-2025

Fuel consumption evaluation methods and targets for passenger cars

GB 5768.9-2025

Road traffic signs and markings - Part 9 Traffic accident management area

GB 45841-2025

Limits and measurement methods for exhaust pollutants from diesel locomotive and its engines CHINA I

GB 40554.2-2025

Code of safety practice for offshore oil & gas exploration and production—Part 2:Offshore

GB 18100-2025

Provisions for the installation of lighting and light-signalling devices for motorcycles and mopeds

GB 15365-2025

Symbols for controls, indicators and tell-tales for motorcycles and mopeds

GB 19482-2025

Safety property requirements and test methods for fuel tanks of motorcycles and mopeds

GB 21670-2025

Technical requirements and testing methods for passenger car braking systems

GB 40554.3-2025

Code of safety practice for offshore oil & gas exploration and production—Part 3: Onshore terminal

GB 36980.1-2025

Energy consumption limits for electric vehicles—Part 1: Passenger cars

GB 19152-2025

Road illumination devices for motorcycles and mopeds

GB 17510-2025

Light-signalling devices for motorcycles and mopeds

GB 45673-2025

General specification for safety production standardization of hazardous chemical enterprises

GB 35181-2025

Rules for major fire potential judgement

GB 45669.1-2025

Norm of water intake for industry in the Yellow River basin—Part 1: Thermal power production

GB 45669.2-2025

Norm of water intake for industry in the Yellow River basin—Part 2: Coal preparation

GB 45669.3-2025

Norm of water intake for industry in the Yellow River basin—Part 3:Coal to olefin

GB 45669.4-2025

Norm of water intake for industry in the Yellow River basin—Part 4:Cement

GB 45670.1-2025

Norm of water intake for service industry in the Yellow River basin —Part 1:Hotel

GB 45670.2-2025

Norm of water intake for service

industry in the Yellow River basin —Part 2: Natatorium

GB 20827-2025

Criteria of physical examination for commercial divers

GB 23826-2025

Light-emitting diode variable speed limit signs of motorway

GB 5768.1-2025

Traffic signs and markings—Part 1: General

GB 15093-2025

National emblem

GB 45320-2025

Safety and general technical specifications for construction waterproof sheets

GB 29743.2-2025

Motor vehicle coolant—Part 2: Electric vehicle coolant

GB 11555-2025

Technical specification for demisting and defrosting systems of motor vehicles-windshield

GB 6944-2025

Classification and code of dangerous goods

GB 12268-2025

List of dangerous goods

GB 45438-2025

Cybersecurity technology—Labeling method for content generated by artificial intelligence

GB 45189-2025

Specification for cyanide safety production management

GB 45248-2025

Drug concentration cutoff values and examination for vehicle drivers

GB 19762-2025

Minimum allowable values of energy efficiency and energy efficiency grades for centrifugal pumps

GB 17741-2025

Evaluation of seismic safety for

engineering sites

GB 15269-2025

Cigar

GB 10408-2025

Intrusion and hold-up systems—

Intrusion detector

GB 30185-2025

Norm of energy consumption per
unit production of aluminum

plastic composite panel

GB 30720-2025

Minimum allowable values of
energy efficiency and energy
efficiency grades for gas cooking
appliances

GB 45437-2025

Acceptable levels of residual
radioactivity in soil of release site
from nuclear facility
decommissioning

GB 17440-2025

Safety specification for the
protection of dust explosion for
grain processing, storage and
transportation system

GB 19081-2025

Safety specification for dust
explosion prevention in feed
processing system

GB 17918-2025

Safety specification for dust
explosion protection in bulk
grain loading and unloading

system in port

GB 28380-2025

Minimum allowable values of
energy efficiency and energy
grades for microcomputers

GB 17167-2025

General rules for energy
measuring instrument equipping
and managing of energy user

GB 45247-2025

Norm of energy consumption per
unit production of gas-steam
combined cycle power set

GB 45246-2025

Norm of energy consumption per
unit production of main wood-
based panel products

GB 6249-2025

Regulations for environmental
radiation protection of nuclear
power plant

GB 17761-2024

Safety technical specification for
electric bicycle

GB 15605-2024

Specifications for pressure
venting of dust explosion

GB 12710-2024

Safety specification for the coking
plant

GB 45187-2024

Fall protection—Climb auto
system against fall

GB 45188-2024

Hand protection—Protective
gloves for welders

GB 12158-2024

General requirements for
preventing electrostatic accidents

GB 23394-2024

Respiratory protection—Positive
pressure self-contained closed-
circuit compressed oxygen
breathing apparatus

GB 39800.8-2024

Specifications for the provision of
personal protective equipment—
Part 8: Shipbuilding Industry

**Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực
tiếp với Viện Thông tin và Truyền thông TĐLCL theo số điện thoại:
(024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556;
Email: ismq@tcvn.gov.vn**